

Vận Hạn Năm Đinh Dậu 2017 của những người Tuổi Gà

(Tính từ **TẾT ĐINH DẬU** nhằm ngày Thứ Bảy 28 / 1 / 2017
đến hết ngày **GIAO THỪA** Thứ Năm 15 / 2 / 2018).

Lập Xuân : Thứ Sáu 3/2/2017 (Âm Lịch : ngày Tân Dậu – hành Mộc)

Phạm Kế Viêm

Đinh Dậu với **Nạp Âm** (*Sơn Hạ Hỏa = Lửa dưới Chân Núi*) do **Can Đinh** (*Hỏa*) ghép với **Chi Dậu** (*Kim*). Dậu tượng trưng Con Gà (*Kê*) – có 2 phái : Phái lấy màu của Nạp Âm đặt Tên cho Con Vật, Phái kia lấy màu của Can. Riêng năm nay, Can Đinh và Nạp Âm đều là Hành Hỏa (*Hỏa* tượng trưng cho màu Đỏ, Hồng) nên Năm nay cả 2 Phái đều gọi chung là **Hồng Kê** (Gà Chọi). Tất cả các Hành của 60 Lửa tuổi (thường gọi là Mạng) trong bài này đều tính theo Nạp Âm (tức là Hành hay Mạng của Tuổi)!. Thí dụ : mọi trẻ em sinh từ 0g ngày 28/1/2017 đến 12 giờ đêm ngày 16/ 2 /2017 đều có **Tuổi Đinh Dậu mạng Hỏa**.

Tết Đinh Dậu 2017 : ngày Thứ Bảy 28/1/2017 nhằm ngày Ất Mão hành Thủy - Sao Nữ, Trục Mãn, giờ đầu Bính Tý (Thủy).

- *Giờ Tốt* (Tý, Sửu, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu).
- *Xuất Hành* : *Hỷ Thần* (*Tây Bắc*), *Tài Thần* (*Đông Nam*).
- *Nên* : xuất hành, nhậm chức, cúng tế, đính hôn, ăn hỏi, cưới gả, khai trương, thu nhận người, mở kho, xuất hàng.
- *Tránh* : Động thổ, chữa bệnh, sửa bếp, sửa chữa « san đường, sửa tường, dỡ nhà, đào đất ».
- *Kỵ Tuổi* : Đinh Dậu, Kỷ Dậu.

Bàn về Năm Tuổi

Trong Lá Số Tử Vi, Thái Tuế là tên gọi của ngôi Sao bao giờ cũng đóng tại Cung có cùng tên với năm sinh. Như tuổi Tý thì Thái Tuế đóng tại cung Tý ; năm Dậu thì Thái Tuế đóng tại Cung Dậu ... suy ra các tuổi khác còn lại trong 12 tuổi cũng vậy. Nghĩa đen của Thái Tuế : Tuế là tuổi, Thái là tối cao ở vị trí cực đại, trái với Thiếu là còn non trẻ. Sao Thái Tuế thuộc Hỏa (lợi cho các tuổi mạng Thổ, Hỏa và Mộc, bất lợi cho các Tuổi mạng Kim, Thủy). Sao Thái Tuế đứng đầu Vòng Thái Tuế chia thành 4 Tam Hợp : (Thái Tuế, Quan Phù, Bạch Hổ), (Thiếu Dương, Tử Phù, Phúc Đức), (Tuế Phá, Điều Khách, Tang Môn) và (Trục Phù, Thiếu Âm, Long Đức). Sách Tử Vi nào cũng Định Nghĩa : Thái Tuế hành Hỏa chủ về :

- Khinh người, lạnh lùng không thích giao thiệp, ít tình cảm. Biết xét đoán, ưa lý luận. Gặp nhiều Sao sáng sủa tốt đẹp thì nói năng đanh thép, hùng hồn. Chủ Phú quý và Uy quyền.
- Gặp Xương Khúc, Khôi Việt kết thành Bộ Văn Tinh : lợi cho việc làm ăn, học hành thi cử, cầu Công Danh.
- Gặp Hung Sát Tinh (Kinh Đà, Không Kiếp, Linh Hỏa, Hình Kị) : chiết giảm Phúc Thọ, ngăn trở mọi công việc, gây rắc rối, tổn hại đến Công Danh, Quyền Thế, Tài Lộc. Chủ về Thị Phi, kiện cáo, tranh chấp, tù tội, bệnh tật, tai nạn, tang thương, gây ra nhiều sự chẳng lành !.

Vòng Thái Tuế chỉ rõ Tư Cách Cá Nhân (cũng phải dựa vào các Bộ Sao của 14 Chính Tinh, Trung Tinh và Hung Sát Tinh « phải biết Giờ Sinh »). Theo Cự Thiên Lương khi Tiểu Vận gặp Vòng Thái Tuế ở Vị Trí Tam Hợp (Thái Tuế, Quan Phù, Bạch Hổ) luôn luôn được hưởng Bộ Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cáo) đôi khi chỉ có 3 – không gặp Hung sát Tinh – là Bộ đưa người ta đến vinh dự hưng thịnh, may mắn bằng thể này hay Thể khác tức là làm cho người ta thỏa mãn hài lòng. Tuy nhiên Tiểu Vận trong Lá Số luôn luôn ở Vị Trí Tuế Phá (bất mãn, hận lòng, muốn đả phá quật ngược, không hài lòng như ý nguyện) được bù đắp bởi Mã Khốc Khách (nghị lực đưa người ta vượt qua những trở ngại khó khăn !).

Khi lập 1 Lá Số Tử Vi, Ta thường dựa trên các Yếu Tố : Giờ Sinh (12), Ngày (30), Tháng (12), Giới Tính (2), Tuổi (60). Ta có thể tạo thành : $N = 12 \times 30 \times 12 \times 2 \times 60 = 518400$ Lá Số Mẫu dùng cho hàng Triệu người. Một Lá Số có thể dùng cho nhiều người sinh ra trong khoảng thời gian 2 giờ cùng ngày, tháng, năm sinh. Thí Dụ giờ Tý dùng cho nhiều người sinh ra trong khoảng thời gian (23g-01g). Lá Số chỉ nêu 1 cách khái quát về Tính Tình, các Biến Cố trong Cuộc Đời ; vì còn tùy thuộc vào nhiều Yếu Tố khác như Hình Tướng (Mặt, Bàn Tay ...), Cha Mẹ, Anh Em, người Phối Ngẫu, con cái và Môi Trường của người cùng mang 1 Lá Số. Nên nhớ với cùng 1 Hạt Giống tốt gieo trên thửa đất màu mỡ khác với kết quả gieo trên đất khô cằn không phân bón !. Nhìn vào kết quả những Người Trẻ Tị Nạn thành công trên đất Mỹ hay các Quốc Gia Tây Phương khác, ta có câu trả lời về « *Anh Hưởng của Môi Sinh* ».

Trên Lá Số Tử Vi, Tiểu Vận năm Tuổi đều nằm trên 2 Tam Giác (Tam Hợp) chứa 2 Sao Tuế Phá và Thái Tuế. Do đó những Lá Số mà Tam Giác chứa (Mệnh, THÂN) - nếu vắng Hung Sát Tinh - gặp Vòng Thái Tuế đều có Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cáo) + Mã Khốc Khách (Ngựa có Nhạc vàng) - nếu được thêm Vòng Lộc Tồn + Vòng Tràng Sinh và có Chính Tinh và Trung Tinh đắc cách trong Tam Giác đó - thì dù có gặp Năm Tuổi 13, 49, 85 (+ Hạn Thái Bạch cho Nam và Thái Âm cho Nữ), Năm Tuổi 25, 61 (+ Hạn Kế Đô cho Nam và Thái Dương cho Nữ), Năm Tuổi 37, 73 (+ Hạn La Hầu cho Nam và Kế Đô cho Nữ) thì dù có gặp rủi ro, thương tích, bệnh tật thì độ số cũng nhẹ. Nên nhớ những Tuổi Tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) thì năm tuổi đều gặp thêm Hạn Tam Tai. Do đó năm tuổi với bất cứ ai cũng có tốt lẫn xấu (nhiều hay ít) tùy theo Tiểu Vận cùng Đại Vận có ít hay nhiều Sao tốt hay xấu !.

Năm nay là năm Đinh Dậu 2017 đó là **Năm Tuổi** của 5 Tuổi Dậu : Ất Dậu, Đinh Dậu, Kỷ Dậu, Tân Dậu và Quý Dậu. Vì cùng Chi Dậu nên - một cách Tổng Quát - muốn xem trong 5 Tuổi Dậu gặp năm Đinh Dậu 2017 tốt, xấu ra sao ?.

- Với Tuổi **Đinh Dậu** (sinh từ 31/1/1957 đến 17/2/1958 Nam : Hạn Kế Đô 61t, Nữ 61t : Hạn Thái Dương tốt) gặp Năm Đinh Dậu cùng tên gọi của cả 3 Yếu Tố Can, Chi và Nạp Âm, nếu gặp *Vận Hạn* trong Lá Số Tử Vi tốt thì rất tốt (Nữ tốt hơn Nam) – mà xấu (gặp nhiều Hung sát Tinh trong Tam Giác chứa Mệnh, THÂN thì đáng ngại, nhất là mùa Hè !).
- Với Tuổi **Ất Dậu** (sinh từ 13/2/1945 đến 1/2/1946 Nam gặp Hạn *La Hầu 73t*, Nữ *Kế Đô 73t*) : Can Ất (Mộc) sinh nhập Can Đinh (Hỏa) và Nạp Âm (Thủy) khắc nhập Hỏa của Nạp Âm Năm Hạn. Cả 2 đều là Năm cần nhiều *thận trọng* ở Mùa Xuân và Mùa Thu, nhất là Tiểu Vận vào Tam Giác chứa (Mệnh, THÂN) với nhiều Hung Sát tinh – Nam lưu ý thêm về Phong Thủy !.
- Với Tuổi **Kỷ Dậu** (sinh từ 16/2/1969 đến 5/2/1970 Nam : Hạn *Thái Bạch 49t* + Kinh Đà, Nữ Hạn Thái Âm tốt) : Can Kỷ và Nạp Âm cùng hành Thổ sinh xuất Can Đinh và Nạp Âm của năm Hạn cùng hành Hỏa (Nữ tốt hơn Nam – Nam cần *thận trọng* ở Mùa Hè nếu Tiểu Vận chứa nhiều Hung Sát Tinh trong Tam Giác chứa (Mệnh, THÂN)).
- Với Tuổi **Tân Dậu** (sinh từ 5/2/1981 đến 24/1/1982 Nam : Hạn *La Hầu 37t*, Nữ : Hạn *Kế Đô 37t*) : Can Tân (Kim) khắc xuất Đinh (Hỏa) và Nạp Âm (Mộc) sinh nhập

Nạp Âm Hỏa của năm Hạng. Cả 2 đều là Năm cần *thận trọng* ở Mùa Thu, nếu Tiểu Vận chứa nhiều Hung Sát Tinh trong Tam Giác chứa (Mệnh, THÂN)- riêng Nam cần lưu ý thêm về Phong Thủy.

- Với Tuổi **Quý Dậu** (*Lửa Tuổi* 25t sinh từ 23/1/1993 đến 9/2/1994 : Nam gặp Hạng Kế Đô + Kinh Đà, Nữ gặp Hạng Thái Dương + Kinh Đà - *Lửa Tuổi* 85t sinh từ 26/1/1933 đến 13/2/1934 : Nam gặp Hạng Thái Bạch + Kinh Đà, Nữ gặp Hạng Thái Dương + Kinh Đà) với Can Quý (Thủy) khắc xuất Can Đinh (Hỏa) và Nạp Âm (Kim) khắc xuất Nạp Âm Hỏa của Năm Hạng. Nam bất lợi Nữ, nhất là Nam 85t (tuổi đã cao - kể cả Phong Thủy).

Theo Kinh Nghiệm của Cổ Nhân và người viết làm Thống Kê trên nhiều Lá Số thì Năm Tuổi của 1 người (thí dụ Anh A sinh 16/7/1957 thì năm nay Đinh Dậu 2017 từ 16/7/2017 anh A mới bước vào Năm Tuổi 61t âm lịch + Hạng Kế Đô + Kinh Đà cho đến 15/7/2018, như vậy Hạng Kế Đô gần như ở nửa 2 năm – năm sau thường gặp Hạng Thiên Không Đào Hồng – mà người xưa thường cho bất lợi cho Tuổi Già !). Người Đời thường sợ Năm Tuổi cũng không phải là không có lý (có người tốt có người xấu tùy theo Cá Nhân). Như câu nói « *Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí* » cũng cho ta thấy Cuộc Đời may ít rủi nhiều !. Nhìn vào bia mộ ở Nghĩa Trang phần lớn (xác suất trên 60%) người nằm xuống đều rơi vào Năm Tuổi hay những Năm Xung Thát Hạng (+La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch và Tam Tai), nếu kỹ hơn xem trong Lá Số (với Giờ Sinh) ta sẽ thấy bầy Hung Sát Tinh nằm trong Vận Hạng những năm đó (Tiểu Vận và Đại Vận).

Mở các Trang Lịch Sử gần đây cho ta thấy, những Nhân Vật chết vào Năm Tuổi :

- Vua Lê Lợi, người đánh đuổi Quân Minh sau 10 năm gian khổ, sinh ngày mùng 6, tháng 8 năm Ất Sửu (10/9/1385) tại Lam Sơn, Thanh Hóa chết ngày 22 tháng 8 nhuận năm Quý Sửu (9/1433) khi Vận Số đi vào Năm Tuổi 49+Thái Bạch+Tam Tai.
- Vua Đồng Khánh (Nguyễn Phúc Ưng Xi) tuổi Giáp Tý 1864 chết năm Mậu Tý (21/1/1889) khi đi vào Năm Tuổi 25 + Hạng Kế Đô.
- Vua Hàm Nghi (Nguyễn Phúc Ưng Lịch) tuổi Tân Mùi (3/8/1871) mất năm Quý Mùi 1943 : Năm Tuổi 73+ Hạng La Hầu.
- Vua Bảo Đại (Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy) sinh giờ Dần ngày 23 tháng 9 năm Quý Sửu 1913 chết năm Đinh Sửu 1997 khi đi vào Hạng Năm Tuổi 85+Hạng Thái Bạch + Kinh Đà.
- Đức Giáo Hoàng Jean Paul II tuổi Canh Thân (18/5/1920)mất năm Ất Dậu (2/4/2005) : Năm Tuổi 85t+Hạng Thái Bạch+Kinh Đà (*trường hợp Hạng Thiên Không theo lối cổ - năm tuổi là năm Giáp Thân 2004 có nhiều Sao giải - nếu sinh đầu năm - nhưng tính theo ngày tháng sinh vẫn là năm Tuổi !*)
- Cụ Phạm Thận Duật Hộ Bộ Thượng Thư dưới Triều Tự Đức là Sư Bảo của 3 Vua Dục Đức, Hiệp Hòa và Kiến Phúc sinh năm Ất Dậu 1825 bị Pháp bắt khi đi phò Vua Hàm Nghi dấy Nghĩa Cần Vương, bị bệnh chết trên Tàu đi đây năm Ất Dậu 1885 khi đi vào Năm Tuổi 61+ Hạng Kế Đô.
- Thống Tướng Lê văn Ty VNCH tuổi Giáp Thìn (15/5/1904) chết năm Giáp Thìn (20/10/1964) khi đi vào Hạng Năm Tuổi 61+ Kế Đô.
- Luật Sư Vương văn Bắc cựu Ngoại Trưởng VNCH tuổi Đinh Mão 1927 mất năm Tân Mão 2011 : Năm Tuổi 85 + Hạng Thái Bạch + Kinh Đà.
- Tướng Nguyễn Khoa Nam tuổi Đinh Mão 1927 tuần tiết năm Ất Mão 1975 khi đi vào Năm Tuổi 49+Hạng Thái Bạch+Kinh Đà.
- Gs kiêm Kịch Tác Gia Vũ Khắc Khoan tuổi Đinh Ty (27/2/1917) mất năm Kỷ Ty (12/9/1989) khi đi vào Năm Tuổi 73 + Hạng La Hầu + Kinh Đà.
- Thi Bá Vũ Hoàng Chương tuổi Bính Thìn 1916 mất năm Bính Thìn 1976 : Năm Tuổi 61+ Hạng Kế Đô+Tam Tai+Kinh Đà.

- Thi Sĩ Nguyễn Bính tuổi Mậu Ngọ 1918 mất năm Bính Ngọ 1966 : Năm Tuổi 49+Hạn Thái Bạch+Kình Đà.
- Nhạc Sĩ Đặng Thế Phong tuổi Mậu Ngọ 1918 mất năm Nhâm Ngọ 1942 : Năm Tuổi 25+ Hạn Kế Đô + Kình Đà.
- Đại Văn Hào Pháp Voltaire tuổi Giáp Tuất (21/9/1694) mất năm Mậu Tuất (30/5/1778) : Năm Tuổi 85+Hạn Thái Bạch.
- Đại Văn Hào Nga Dostoyevsky tuổi Tân Ty (11/11/1821) mất năm Tân Ty (9/2/1881) : Năm Tuổi 61+ Hạn Kế Đô.
- Nữ Tài Tử Marilyn Monroe tuổi Bính Dần (14/6/1926) tự vẫn (nghi án bị giết) năm Nhâm Dần (5/8/1962) : Năm Tuổi 37+ Hạn Kế Đô + Kình Đà.
- Công Nương Anh Diana Spencer tuổi Tân Sửu (1/7/ 1961) chết vì tai nạn ô tô tại Paris ở năm Đinh Sửu (31/8/1997) : Năm Tuổi 37+Hạn Kế Đô.

Đó là vài Hình ảnh (các Nhân Vật tên tuổi) tượng trưng trong hàng ngàn trường hợp chết vì Năm Tuổi khi Thống Kê ; vì khuôn khổ bài viết không thể liệt kê hơn được !.

Dự báo Năm Xung Tháng Hạn trong Tử Vi cũng như Dự Báo Thời Tiết. Gặp Năm Xung Tháng Hạn - nếu ta chuẩn bị dự phòng về sức khỏe, giảm thiểu Di Chuyển, tránh tranh cãi đưa đến Kiện tụng, lưu ý giấy tờ Hợp Pháp như Cổ Nhân thường khuyên thì dù rủi ro có xảy ra thì độ xấu cũng nhẹ.

Sau đây là Vận Hạn năm Đinh Dậu 2017 của các Tuổi Dậu (Ất Dậu, Đinh Dậu, Kỷ Dậu, Tân Dậu và Quý Dậu) - dựa trên Lá số chỉ tính theo **tháng và năm** (không có Giờ Sinh nên không xác định được Vị Trí quan trọng như Mệnh THÂN và 14 Chính Tinh – nhưng có chung vài Trung Tinh và Hung Sát Tinh như Kình Đà, Không Kiếp). Nhưng Hạn Cửu Diệu xấu như La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch có thể dùng chung cho mọi lứa tuổi (tính từ tháng sinh) với xác suất cũng gần 50^{o/o}.

Tuổi DẬU (Ất Dậu, Đinh Dậu, Kỷ Dậu, Tân Dậu, Quý Dậu).

1) Ất Dậu 73 tuổi (sinh từ 13/2/1945 đến 1/2/1946 - **Tuyền Trung Thủy** : Nước Suối).

Tính Chất chung Nam Nữ : Ất Dậu nạp âm hành Thủy do Can Ất (Mộc) ghép với Chi Dậu (Kim), Kim *khắc nhập* Mộc = Chi khắc Can, thuộc lứa tuổi đời có nhiều trở lực và nghịch cảnh ở Tiền Vận. Trung Vận và Hậu Vận an nhàn và thanh thản hơn, nhờ Nạp âm trung hòa độ khắc giữa Can Chi cùng sự phấn đấu của bản thân - ở Trung Vận - vươn lên để vượt qua mọi trở ngại. Sinh vào mùa Xuân, mùa Đông là thuận mùa sinh, mùa Hạ hơi vất vả.

Can Ất đứng thứ nhì của hàng Can : tính tình chu đáo cẩn thận, trung hậu, thủ tín, kỹ càng ít bị sai lầm. Chi Dậu : chịu khó, làm việc cần cù chăm chỉ đúng giờ giấc, có đầu óc tổ chức (cầm tinh con Gà), đôi khi cao ngạo, nhưng có trách nhiệm cao trong công việc, luôn tuân thủ kỷ luật. Bản tính trầm lặng, đứng đắn, có khả năng về Lãnh Vực Kinh Tế, Kỹ Thuật, Quản Lý. Nhiều tham vọng, sự thành công đôi khi chưa đủ, mà phải toàn thiện toàn mỹ, do đó đôi khi gặp thất bại vì quá cẩn thận và nhiều ảo vọng. Rất thông minh, thường đưa ra những ý tưởng hết sức độc đáo, năng lực xử lý công việc cao và cách suy nghĩ cực kỳ chín chắn nên đa số có bằng cấp cao trong ngành Kinh Tế, Kỹ Thuật. Tuổi Dậu có đặc trưng là rất thích cái

đẹp, đặc biệt phái Nữ - thường là khách hàng trung thành của các Trung Tâm Thẩm Mỹ cao cấp. Phần lớn cực kỳ mẫn cảm với màu sắc, hơn hẳn các người khác trong lãnh vực phối màu.

Mệnh Thân đóng tại Ngọ, Mùi thừa thiếu thời vất vả nhưng Trung Vận phát Phú. Đóng tại Tam Hợp (Hợi Mão Mùi) + Cục Mộc hay tại Tam Hợp (Tỵ Dậu Sửu)+ Cục Kim với nhiều Chính Tinh và Trung Tinh đặc cách, xa lánh Hung Sát Tinh - *đặc biệt trong Tam Giác “ Mệnh, THÂN “ có chứa 3 Sao Thái Tuế, Lộc Tồn và Tràng Sinh (+ Hình Tướng : Tam Đình cân xứng, Ngũ Quan đầy đặn không khuyết hãm, da dẻ tươi nhuận, 2 bàn tay với 3 chỉ Sinh Đạo, Trí Đạo, Tâm Đạo tạo thành chữ M ngay ngắn không bị đứt quãng, lại có thêm 2 chỉ May Mắn và Danh Vọng) cũng là mẫu người thành công có địa vị trong Xã Hội ở mọi ngành nghề (Vua Khải Định tuổi Ất Dậu 1885, bẵng hà năm Ất Sửu 1925: Hạng Thái Bạch 40t+Tam Tai - Hộ Bộ Thượng Thư Phạm Thân Duật triều Tự Đức tuổi Ất Dậu 1825- khi phò Vua Hàm Nghi phát chiếu Cần Vương chống Pháp bị bắt đi đày tại Tahiti - chết trên Tàu ngày 23 tháng 10 năm Ất Dậu 1885 khi vận số đi vào Năm Tuổi 61+Hạng Kế Đô - Đại Thi Hào Nguyễn Du tuổi Ất Dậu “ 1/1766 ” mất năm Canh Thìn 1820 khi vận số đi vào Hạng La Hầu 55t +Kình Đà - Liệt Sĩ Trần văn Bá tuổi Ất Dậu 1945 hy sinh năm Ất Sửu 1985: Hạng Thái Bạch 40t - Tổng Thống Srilanka Mahinda Rajapakse “ 18/11/1945 ”+ Tổng Thống Miến Điện Thein Sein và Lãnh Tụ Đối Lập Aung San Suu Kyi đều có tuổi Ất Dậu 1945 – Nữ Danh Ca Khánh Ly tuổi Ất Dậu 1945- Tiểu Thuyết Gia Pháp Patrick Modiano tuổi Ất Dậu “30/7/1945” đoạt giải Nobel Văn Chương năm 2014 - Ca Nhạc sĩ Michel Delpech ngôi Sao lầy lừng của Làng Nhạc Pháp tuổi Ất Dậu “26/1/1946 ” mất năm Ất Mùi “2/1/2016 ”khi Vận Số đi vào Hạng Kế Đô 70t+Lưu Thái Tuế ngộ Triệt).*

Ất Dậu theo Dịch Lý thuộc **Quẻ Lôi Trạch QUY MUỘI** : Lôi (hay Chấn là Sấm Sét), Trạch (hay Đoài là ao hồ, đầm); **QUY MUỘI** : con gái gả về nhà chồng, nghĩa bóng là xử sự đại khái, không kiên trì, thường hối hận về sau. *Hình Ảnh của Quẻ*: Trên ao hồ có sấm động. Quẻ Nội là Đoài (gái nhỏ), Quẻ Ngoại là Chấn (hay Lôi tượng trưng cho Trùng Nam). Đoài có nghĩa là vui vẻ, thuận theo, ý nghĩa là người con gái nhỏ theo về với người đàn ông lớn tuổi, cho nên đặt tên Quẻ là Quy Muội. Theo quan niệm xưa thì sự phối hợp âm dương có vẻ vợ vã, gái chỉ vì vui mà tự động theo trai. Hai Hào 2 và 5 lạc vị âm dương nên không chính Danh, lại thêm Hào 3 và 5 đều là Hào Âm mà cưới lên hai Hào Dương 2 và 4, có hình tượng như Vợ ăn hiếp Chồng. Quẻ này có ý khuyên ta: nên theo con đường của Lẽ Phải (chính Danh), cần cố trách nhiệm, không nên theo cảm giác đam mê nhất thời. Mù quáng chạy theo khoái lạc là rất nguy hiểm. Phải biết phân biệt Phù Vân với Vĩnh Hằng.

Bất cứ công việc gì làm chung (ngay cả Hôn Ước) không có mục tiêu chung, không tự do thỏa thuận, không lợi lộc cho các đôi tác, mà có thể hợp tác lâu dài. Sự kết hợp với hậu ý vị kỷ cá nhân thường dẫn đến sụp đổ. Thỏa mãn nhất thời thường khó tiến tới thành công lâu dài. Sự bền bỉ trong mọi Kết Hợp là Bình Đẳng và Tự Do.

- a) **Nam Mạng** : Năm Tuổi 73 + Hạng La Hầu thuộc Mộc sinh xuất với Thủy Mệnh, cùng hành với Can Ất (Mộc) và khắc xuất với Chi Dậu (Kim) : độ xấu tăng cao ở đầu năm và giảm nhẹ ở giữa và cuối năm. La Hầu tối độc cho Nam Mạng - phần Hung chủ về ưu sâu tai ương, rầy rà Quan Sự, hao tài tốn của, thị phi khẩu thiệt, rủi ro và tật bệnh dễ đến bất thần, nhất là trong 2 tháng Kị của La Hầu (1, 7) và 2 tháng Kị hàng năm của Tuổi (1, 3). Độ xấu của La Hầu tác động vào chính Mình hay các Cung khác trong Lá Số Tử Vi, còn tùy thuộc vào Giờ Sinh !. Hạng tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm, Hạng có thể lân sang năm tới !. Ngày xưa để Giải Hạng La Hầu, Cổ Nhân thường dùng lỏi Cúng Sao vào Đêm Mồng 8 lúc 21-23g của 2 tháng (1, 7) với 9 ngọn Nến, hoa quả trà nước, bàn thờ quay về Hướng Bắc !.

Tiểu Vận : **Tuần +Triệt** đóng ngay Tiểu Vận tại Cung Mùi (Thổ khắc Mệnh và Can, nhưng hợp Chi) tuy dễ gây trở ngại lúc đầu cho mưu sự và công việc đang hanh thông, nhưng có lợi

giảm bớt độ số của rủi ro và tật bệnh do Hạn La Hầu, nếu gặp. Các Bộ Sao tốt của Tiểu Vận và của Lưu Thái Tuế đóng tại Cung Dậu (Kim hợp Mệnh và Chi, nhưng khắc Can) : Thái Tuế, Quan Phù, Tứ Linh (Long Phượng Hổ Cáo), Mã Khốc Khách, Lộc Tồn, Bác Sĩ, Thanh Long, Tướng Ấn cũng dễ đem lại hanh thông cho mưu sự và công việc - kể cả Tài Lộc trong các Nghiệp Vụ (ở các tháng tốt) trong các Lãnh Vực : Văn Hoá Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Địa Ốc, Kinh Doanh, Kỹ Nghệ, Siêu Thị, Nhà Hàng và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quần Chúng. Tuy gặp được nhiều Sao tốt, nhưng gặp Năm Tuổi Hòa khắc xuất Mệnh + Hạn La Hầu, lại xen kẽ thêm bầy Sao xấu : Phục Binh, Tang Môn, Phá Toái, Phi Liêm, Phá Hư, Bệnh Phù, Cô Quả và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện trong Tiểu Vận cũng nên cảnh giác để có rủi ro và tật bệnh có thể xảy ra trong các tháng kỵ (1, 3, 5, 7, 10) về các mặt :

- Công việc, Giao tiếp : Hạn La Hầu với Khôi Việt + Kinh Đà, Tướng Ấn + Phục Binh, Tang Môn cũng nên lưu ý chức vụ và Tiền Bạc (Lộc + Phá Hư). Không nên Đầu Tư và Khuếch Trương Hoạt Động. Nên mềm mỏng trong giao tiếp, tránh tranh luận và phản ứng mạnh, dù có nhiều bất đồng không vừa ý do đố kỵ và ganh ghét của Tiểu Nhân.

- Sức khỏe : Bệnh Phù, Thiếu Dương, Thiếu Âm gặp Kinh Đà : nên lưu ý Tim Mạch, Mắt, Thận với những ai đã có mầm bệnh - nên đi kiểm tra khi có dấu hiệu bất thường !.

- Di Chuyển : Hạn Chế Di Chuyển xa (Mã + Tang, Phá Toái, Phục Binh), lưu ý xe cộ, dễ té ngã (không nên nhảy cao, trượt băng)- cẩn thận khi làm việc bên cạnh các Dây Máy nguy hiểm trong Hãng Xưởng ở các tháng (1, 7, 10).

- Tình Cảm, Gia Đạo : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp, nhưng cũng dễ có Con Giông bất chợt (Đào Hồng + Tuần, Triệt, Đà), dễ có phiền muộn trong Gia Đạo (Tang Môn + Kinh Đà Tang lưu).

Nhất là đối với các Quý Ông sinh vào tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu lại càng phải thận trọng hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ thêm nơi Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ ! Tài Lộc vượng vào giữa Xuân. Nên làm nhiều việc Thiện (Lộc + Phá Hư) – đó không những là 1 trong những cách Giải Hạn La Hầu + Năm Tuổi của Cổ Nhân (của đi thay người !), mà còn là cách Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này !.

Nên theo lời khuyên của **Quẻ Lôi Trạch QUY MUỘI**.

Phong Thủy : Quẻ Khảm có 4 Hướng tốt : Đông Nam (Sinh Khí : tài lộc), Đông (Thiên Y : Sức Khỏe), Nam (Diên Niên : tuổi Thọ) và Bắc (Phục Vị : giao dịch). Bốn hướng còn lại xấu ; xấu nhất là Hướng Tây Nam (tuyệt Mệnh).

- Bàn Làm Việc : ngồi nhìn về Đông Nam (1^{er}), Bắc, Đông, Nam.

- Giường Ngủ : đầu Nam, chân Bắc hay đầu Tây, chân Đông.

Hiện đang ở Vận 8 (2004-2023), Ngũ Hoàng Sát (đem lại rủi ro và tật bệnh) nhập góc Tây Nam (hướng Tuyệt Mệnh : độ xấu tăng cao !). Để hóa giải sự tác hại của Ngũ Hoàng, nên treo 1 Phong Linh bằng Kim Khí ở góc Tây Nam trong phòng ngủ cho đến hết năm 2023 !. Niên Vận Đinh Dậu 2017, Ngũ Hoàng chiếu vào Hướng Bắc (hướng tốt về Giao dịch) ; để hóa giải thêm năm nay nên đề 1 Xâu Tiền Cổ (7 đồng) ở dưới đệm nằm của Giường Ngủ ở góc Bắc !.

b) **Nữ Mạng** : Năm Tuổi 73+ Hạn Kế Đô thuộc Kim sinh nhập với Thủy Mệnh, cùng hành với Chi Dậu (Kim) và khắc nhập với Can Ất (Mộc) : Độ xấu tăng cao ở đầu và cuối năm. Kế Đô tối độc đối với Nữ Mạng. Phần Hung chủ về ưu sầu tai ương, rầy rà Quan Sự, hao tài tốn của, thị phi khẩu thiệt, rủi ro và tật bệnh đến bất thần, nhất là trong 2 tháng Kỵ của Kế Đô (3, 9) và 2 tháng Kỵ hàng năm của Tuổi (1, 3). Độ xấu của Kế Đô tác động vào chính Minh hay các Cung khác (trong Lá Số Tử Vi) còn

tuỳ thuộc vào Giờ Sinh !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm, Hạn có thể lân sang năm tới !.

Ngày xưa để giải Hạn Kế Đô, Cổ Nhân thường dùng lối Cúng Sao vào Đêm 18 lúc 21-23g ở 2 tháng (3, 9) với 21 ngọn Nến, hoa quả trà nước, bàn thờ quay về hướng Tây !.

Tiểu Vận : Tuần + Triệt đóng ngay tại Tiểu Vận ở Cung Mùi (Thổ khắc Mệnh và Can, nhưng hợp Chi) tuy cố gây trở ngại cho mưu sự và công việc đang hanh thông, nhưng có lợi làm giảm độ số của rủi ro và tật bệnh do Hạn Kế Đô, nếu gặp. Tiểu Vận và Lưu Thái Tuế đóng tại Cung Dậu (Kim hợp Mệnh và Chi, nhưng khắc Can) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phù, Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cáo), Mã Khốc Khách, Lộc Tồn, Bác Sĩ, Thanh Long, Tướng Ấn cũng dễ đem lại hanh thông, thăng tiến cùng Tài Lộc trong Nghiệp Vụ (ở các tháng tốt) trong các Lãnh Vực : Văn Hoá Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Đầu Tư, Kinh Doanh, Kỹ Nghệ, Siêu Thị, Nhà Hàng và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quần Chúng. Tuy gặp được nhiều Sao Tốt, nhưng gặp *Năm Tuổi* Hạn Hòa khắc Mệnh + Hạn Kế Đô hợp Mệnh, lại xen kẽ thêm bày Sao xấu : Phục Binh, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Phi Liêm, Bệnh Phù, Cô Quả và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện trong Tiểu Vận cũng nên *cảnh giác* nhiều đến rủi ro và tật bệnh có thể xảy ra ở các tháng Kị (1, 3, 5, 9, 10) về các mặt :

- *Công việc, Giao tiếp* : Hạn Kế Đô với Khôi Việt + Kinh Đà, Tướng Ấn + Phục Binh, Kiếp Sát, Tử Phù cũng nên lưu ý đến chức vụ và Tiền Bạc (Lộc+Phá Hư). Không nên Đầu Tư và Khuếch Trương Hoạt Động !. Nên mềm mỏng trong giao tiếp, tránh tranh luận và phản ứng mạnh, dù có nhiều bất đồng do ganh ghét đố kỵ của Tiểu Nhân.

- *Sức khỏe* : Bệnh Phù + Kế Đô với Thiếu Dương, Thiếu Âm gặp Kinh Đà : nên lưu ý Tim Mạch, Mắt và Khí Huyết, nhất là những ai đã có mầm bệnh, kê cả Tai, Thận – nên đi Kiểm Tra thường xuyên khi có dấu hiệu bất ổn trong các tháng « 1, 3, 9 ».

- *Di chuyển* : Hạn Chế Di chuyển xa (Mã + Tang) nên cẩn thận xe cộ, vật nhọn và khi xử dụng Máy móc nguy hiểm ; để té ngã - tránh nhảy cao và trượt băng trong các tháng kị (1, 3, 9, 10).

- *Tình Cảm Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp với Quý Bạ độc thân, nhưng dễ có Con Giông bất chợt (Đào Hồng + Đà, Quan Phủ) - dễ có phiền muộn trong Gia Đạo (Tang Môn + Kinh Đà Tang lưu).

Nhất là đối với các Quý Bà sinh tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu lại càng phải *cảnh giác* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* trong Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ ! Tài Lộc vượng vào giữa Xuân. Nên hao tán (Lộc + Phá Hư) bằng cách làm nhiều việc Thiện, đó không những là 1 cách giải Hạn *Năm Tuổi* + Kế Đô của Cổ Nhân (*của đi thay người !*) mà còn là cách Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này !. Nên theo lời khuyên của **Quẻ Lôi Trạch QUY MUỘI** như Nam mạng.

Phong Thủy : Quẻ *Cấn* có 4 Hướng tốt : Tây Nam (Sinh Khí : Tài Lộc), Tây (Diên Niên : tuổi Thọ), Tây Bắc (Thiên Y : sức khỏe) và Đông Bắc (Phục Vị : giao dịch). Bốn hướng còn lại xấu ; xấu nhất là hướng Đông Nam (Tuyệt Mệnh).

- *Bàn Làm Việc* : ngồi nhìn về Tây Nam (1^{er}), Tây, Tây Bắc.

- *Giường Ngủ* : đầu Đông, chân Tây hay đầu Đông Bắc, chân Tây Nam.

Hiện đang ở Vận 8 (2004-2023), Ngũ Hoàng Sát (*đem lại rủi ro và tật bệnh*) nhập góc Đông Bắc (hướng tốt về Giao Dịch). Để hóa giải sự tác hại của Ngũ Hoàng, nên treo 1 Phong Linh bằng Kim Khí ở góc Đông Bắc trong phòng ngủ cho đến hết năm 2023 !. Niên Vận Đinh Dậu 2017 Ngũ Hoàng nhập hướng Bắc (hướng Ngũ Quỷ : không may mắn) ; để

hóa giải thêm, năm nay nên để 1 Xâu Tiền Cổ (9 đồng) dưới đệm nằm của Giường Ngủ ở góc Bắc !.

Át Dậu hợp với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Quý Sửu, Đinh Sửu, Ất Sửu, Tân Tỵ, Quý Tỵ, Kỷ Tỵ, Tân Dậu, Quý Dậu, hành Kim, hành Thủy và hành Mộc. Kỵ với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Kỷ Mão, Đinh Mão và các tuổi mạng Thổ, mạng Hỏa mang hàng Can Canh, Tân.

Màu Sắc (quần áo, giày dép, xe cộ) : **Hợp** với các màu Xám, Đen, Trắng, Ngà. **Kỵ** với màu Vàng, Nâu ; nếu dùng Vàng, Nâu nên xen kẽ Trắng, Ngà hay Xanh để giảm bớt sự khắc kỵ.

2) **Đinh Dậu 61 tuổi** (sinh từ 31/1/1957 đến 17/2/1958 - **Sơn Hạ Hỏa** : Lửa dưới chân Núi).

***Tính Chất chung Nam Nữ : Đinh Dậu** nạp âm hành Hỏa do Can Đinh (Hỏa) ghép với Chi Dậu (Kim), Hỏa khắc nhập Kim = Can khắc Chi, thuộc lứa tuổi đời gặp nhiều khó khăn ở Tiền Vận, tuy có gặp may mắn nhưng phần lớn do sự cố gắng kiên trì của bản thân để vươn lên. Hậu Vận sung sướng an nhàn hơn do sức phấn đấu của bản thân từ Trung Vận và sự tương hợp Ngũ Hành giữa Can và Nạp âm. Hỏa Tính chứa nhiều trong tuổi, càng lớn tuổi, nếu thiếu chất thủy kèm chế, các bộ phận như Tim, Ruột, Lưỡi dễ có vấn đề - nên lưu tâm từ thời Trẻ. Sinh vào mùa Xuân, mùa Hạ là hợp mùa sinh, mùa Đông hơi vất vả.

Tuy là tuổi Âm, nhưng vì Hỏa vượng nên - một số ít - tính tình cương cường nóng nảy, bất khuất, lại thêm Cự Môn ngộ Hóa Kỵ (đều thuộc Thủy) cuộc đời dễ bị ngộ nhận, thị phi miệng tiếng, dễ gặp tai oan, quan sự (lúc trẻ dễ có vấn đề sông nước hay có bệnh về tiêu hóa). Phân đông Đinh Dậu thuộc mẫu người nhu thuận, mềm mỏng, nhân hậu, chịu khó, thích ở nơi phố thị đông đảo, bản tính siêng năng cần cù đúng giờ giấc (cầm tinh con Gà). Tuy nhiều cao ngạo, nhưng có tinh thần trách nhiệm cao, tầm nhìn tinh tế sắc bén trước mọi vấn đề.

Mệnh Thân đóng tại Dần Mão thừa thiếu thời vất vả nhưng Trung Vận phát phú. Đóng tại Tam Hợp (Tỵ Dậu Sửu) + Cục Kim hay tại Tam Hợp (Dần Ngọ Tuất) + Cục Hỏa với nhiều Chính Tinh và Trung Tinh đặc cách, xa lánh Hung Sát Tinh - *đặc biệt trong Tam Giác « Mệnh, THÂN » có chứa 3 Sao Thái Tuế, Lộc Tồn và Trừng Sinh* (+ Hình Tượng : Tam Đinh cân xứng, Ngũ Quan đầy đặn không khuyết hãm, da dẻ tươi nhuận, 2 bàn tay với 3 chỉ Sinh Đạo, Trí Đạo, Tâm Đạo tạo thành chữ M ngay ngắn không bị đứt quãng, lại có thêm 2 chỉ May Mắn và Danh Vọng) cũng là mẫu người thành công có địa vị trong Xã Hội ở mọi ngành nghề. (*Nhà Bác Học Pétrus Ký tuổi Đinh Dậu « 6/12/1837 » mất năm Mậu Tuất 1898 : Hạn Kế Đô 61t - Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục tuổi Đinh Dậu « 6/10/1897 » mất năm Giáp Tý « 13/12/1984 » : Hạn Kế Đô 88t + Kinh Đà - Nữ Văn Thị Hòa Tương Phó tuổi Đinh Dậu 1897 mất năm Quý Sửu 1973 – Hòa Thượng Thích Quảng Đức tuổi Đinh Dậu 1897 tự thiêu năm Quý Mão « 11/6/1963 » khi vận số đi vào Hạn Thái Bạch 67t + Kinh Đà - Sát Thủ Bin laden tuổi Đinh Dậu « 10/3/1957 » bị giết năm Tân Mão « 2/5/2011 » khi vận số đi vào Hạn La Hầu 55t + Kinh Đà - Luật Sư Cù Huy Hà Vũ tuổi Đinh Dậu « 2/12/1957 » - Nữ Sĩ Đặng Xuân Mai và Nữ Luật Sư kiêm Văn Sĩ Dương Như Nguyễn đều là bạn học Trưng Vương thời Niên Thiếu, có cùng tuổi Đinh Dậu 1957- Thủ Tướng Úc Tony Abbott tuổi Đinh Dậu « 4/11/1957 »).*

Đinh Dậu theo Dịch Lý thuộc **Quẻ Hỏa Trạch KHUÊ** : Hỏa (Hỏa hay Ly là lửa, điện), Trạch (hay Đoài là ao, hồ, đầm) ; KHUÊ là khác nhau, chống đối, xa lìa. *Hình Ảnh của Quẻ* : Lửa ở trên Đầm, trên Lửa dưới Nước : không hợp nhau, xa cách nhau

nên gọi là Khuê. Đồi (Trạch) có tính vui, hòa thuận ; Ly (Hỏa) có đức sáng, thông minh : hòa vui nương dựa vào sự sáng mà làm việc thì có lợi hay dùng trí thông minh hòa đồng vào Tập Thể, mọi sự sẽ thành công. Vạn vật tuy khác nhau mà sinh hóa cùng theo một định luật như nhau. Trai Gái một Dương một Âm mà vẫn cảm thông được nhau. Thế là trong chỗ *khác nhau* lại có cùng một điểm *giống nhau*, tìm ra được « điểm Đồng » trong « cái Dị » là hiểu được cái diệu dụng của Quẻ KHUÊ để thành công ở đời.

- a) **Nam Mạng** : Năm Tuổi 61 + Hạn Kế Đô thuộc Kim khắc xuất với Hỏa Mệnh và Can Đinh (Hỏa), cùng hành với Chi Dậu (Kim) : độ xấu tăng cao ở giữa năm ; giảm nhẹ ở đầu và cuối năm. Kế Đô đối với Nam Mạng tuy không độc nhiều như đối với Nữ Mạng, nhưng phần Hung cũng chủ về ưu sâu tai ương, rầy rà Quan Sự, hao tài tốn của, thị phi khẩu thiệt, rủi ro và tật bệnh dễ đến bất thần, nhất là trong 2 tháng Kị của Kế Đô (3, 9) và 2 tháng Kị hàng năm của Tuổi (4, 6). Độ xấu của Kế Đô tác động vào chính Minh hay ở các Cung khác trong Lá Số Tử Vi, còn tùy thuộc vào Giờ Sinh !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm, Hạn có thể lân sang năm tới !.

Tiểu Vận : Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ hợp Mệnh và Can Chi), Lưu Thái Tuế tại Cung Dậu (Kim khắc xuất Mệnh, nhưng hợp Can) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phù, Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cáo), Mã Khốc Khách, Hi Thần, Tẩu Thơ, Khôi Việt, Văn Tinh, Đường Phù, Thiên Phúc, Thiên Trù cũng đem hanh thông cho mưu sự và công việc (ở các tháng tốt) trong các Nghiệp Vụ thuộc Lãnh Vực : Văn Hóa Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Đầu Tư, Kỹ Nghệ, Kinh Doanh, Địa Ốc, Nhà Hàng, Siêu Thị và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quần Chúng. Tuy được gặp được nhiều Sao Tốt, nhưng vì gặp Năm Tuổi hợp Mệnh + Hạn Kế Đô, lại xen kẽ thêm bầy Sao xấu : Kinh Đà, Quan Phủ, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Cô Quả, Song Hao và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện trong Tiểu Vận, cũng nên *thận trọng* đến những rủi ro và tật bệnh có thể xảy ra trong các tháng kị (1, 3, 4, 6, 9, 10) về các mặt :

- *Công việc, Giao tiếp* : Năm Tuổi + Hạn Kế Đô với Tướng Ấn + Triệt, Khôi Việt + Kinh Đà, Phục Bình, Kiếp Sát cũng nên lưu ý chức vụ và tiền bạc. Cẩn thận khi Đầu Tư và Khuếch Trương Hoạt Động !. Nên mềm mỏng trong giao tiếp, tránh tranh luận và phản ứng mạnh (Phá Hư), dù gặp nhiều bất đồng do đố kị và ganh ghét của Tiểu Nhân.

- *Sức khỏe* : Hạn Kế Đô với Thiếu Dương gặp Bệnh Phù, Thiếu Âm gặp Phi Liêm, Trục Phù cũng nên lưu ý nhiều đến Tim Mạch, Mắt với những ai đã có mầm bệnh – nên đi kiểm tra sức khỏe khi có dấu hiệu bất ổn, kể cả Tiêu Hóa !.

- *Di chuyển* : Hạn Chế Di Chuyển xa (Mã + Kinh Đà Tang), lưu ý xe cộ, vật nhọn, tránh nhảy cao, trượt băng, cẩn thận khi đứng trước các Dàn Máy nguy hiểm trong các tháng « 3, 4, 6, 9, 10 ».

- *Tình Cảm, Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp, nhưng cũng dễ có Con Giông bất chợt (Đào Hồng Hi + Phục Bình) - dễ có phiền muộn và chuyện buồn trong Gia Đạo (Tang Môn, Kinh Đà, Cô Quả, + Kinh Đà Tang lưu) ; không nên phiêu lưu, nếu đang êm ấm !.

Nhất là đối với các Quý Ông sinh tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu lại càng phải *cảnh giác* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* trong Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ ! Tài Lộc vướng vào giữa HẠ. Nên làm nhiều việc Thiện – đó không những cách giải Hạn Năm Tuổi + Kế Đô của Cổ Nhân (*của đi thay người !*), mà còn là cách Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này. Nên theo lời khuyên của **Quẻ Hỏa Trạch KHUÊ**.

Phong Thủy : Quẻ *Đoài* có 4 Hướng tốt : Tây Bắc (Sinh Khí : Tài Lộc), Đông Bắc (Diên Niên : Tuổi Thọ), Tây Nam (Thiên Y : Sức Khỏe) và Tây (Phục Vị : Giao Dịch). Bốn hướng còn lại xấu ; xấu nhất là hướng Đông (Tuyệt Mệnh).

- *Bàn Làm Việc* : ngồi nhìn về Tây Bắc (1^{er}), Đông Bắc, Tây

- *Giường Ngủ* : đầu Đông, chân Tây – hay đầu Đông Nam, chân Tây Bắc.

Hiện đang ở Vận 8 (2004 - 2023), Ngũ Hoàng Sát (*đem lại rủi ro và tật bệnh*) nhập hướng Tây Nam (hướng tốt về Sức Khỏe). Để giảm bớt sức tác hại của Ngũ Hoàng nên treo 1 Phong Linh bằng Kim Khí ở góc Tây Nam trong phòng ngủ cho đến hết năm 2023 !. Niên Vận Đinh Dậu 2017, Ngũ Hoàng chiếu vào hướng Bắc (hướng Hoạ Hại : xấu về Giao Dịch) ; để hóa giải thêm, năm nay nên để 1 Xâu Tiền Cổ (7 đồng) dưới đệm nằm của Giường Ngủ ở góc Bắc !.

- b) **Nữ Mạng** : Năm Tuổi 61 + Hạn Thái Dương thuộc Hỏa cùng hành với Hỏa Mệnh và Can Đinh (Hỏa), khắc nhập với Chi Dậu (Kim) : độ tốt tăng cao ở đầu và cuối năm, giảm nhẹ ở giữa năm. Thái Dương là Hạn lành chủ về Danh Lợi : Công Danh thăng tiến, tài lộc dồi dào, Gia Đạo vui vẻ bình an, nhiều Hi Tín, càng đi làm xa càng có lợi. Tuy nhiên bất lợi cho những ai đã có vấn đề về Tim Mạch, Mắt và Khí Huyết : dễ đau đầu khó ngủ, tâm trí bất an, tinh thần giao động. Không nên thức khuya và xử dụng Màn Hình trong nhiều Giờ !. Mỗi khi thấy bất an nên tìm cách Du Ngoạn ngăn ngày hay tìm nơi thoáng mát để Di Dưỡng Tinh Thần !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối Năm, Hạn có thể lân sang năm tới !.

Tiểu Vận : Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ hợp Mệnh và Can Chi) và Lưu Thái Tuế đóng tại Cung Dậu (Kim khắc Mệnh và Can, nhưng hợp Chi) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phù, Tử Linh (Long Phụng Hồ Cáo), Mã Khốc Khách, Khôi Việt, Hi Thân, Tẩu Thợ, Văn Tinh, Thiên Phúc, Thiên Trù + Hạn Thái Dương tốt cũng dễ đem lại hanh thông cho mưu sự, thuận lợi về Nghiệp Vụ - kể cả Tài Lộc - trong các Lĩnh Vực : Văn Hóa Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Kỹ Nghệ, Kinh Doanh, Đầu Tư, Địa Ốc, Xe Cộ, Tầu Lầu, Siêu Thị và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quân Chúng. Tuy gặp nhiều Sao tốt và Hạn tốt, nhưng gặp Năm Tuổi hợp Mệnh, lại xen kẽ thêm bầy Sao xấu : Kinh Đà, Quan Phủ, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Cô Quả, Song Hao và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện trong Tiểu Vận cũng nên lưu ý nhiều đến các rủi ro và tật bệnh có thể xảy đến trong các tháng Kị (1, 4, 6, 9, 10) về các mặt :

- *Công việc, Giao tiếp* : Hạn Thái Dương tuy tốt, nhưng Năm Tuổi với Tượng Ấn + Triệt,

Khôi Việt + Kinh Đà, Phục Bình, Phi Liêm, Kiếp Sát cũng nên quan tâm đến chức vụ và tiền bạc. Nên mềm mỏng trong giao tiếp, không nên tranh luận và phản ứng mạnh (Phá Hư), dù có nhiều bất đồng do ganh ghét, đố kị của Tiểu Nhân !.

- *Sức khỏe* : Năm Tuổi với Hạn Thái Dương Hỏa vượng thêm mạng Hỏa : Bệnh Phù + Thiếu Dương cũng nên lưu ý đến Tim Mạch, Mắt, Khí Huyết, nhất là những ai đã có mầm bệnh – nên đi kiểm tra thường xuyên khi thấy có dấu hiệu bất ổn !.

- *Di chuyển* : Cần thận khi Di Chuyển xa (Mã + Tang, Cô Quả, Kinh Đà), nên lưu ý xe cộ, vật nhọn, tránh nhảy cao, trượt băng, cần thận khi làm việc bên cạnh các Dàn Máy nguy hiểm trong các tháng (1, 4, 6, 10).

- *Tình Cảm, Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp thuận lợi cho Quý Bạn còn độc thân, nhưng dễ có Con Giông bất chợt (Đào Hồng nhị hợp với Kinh, Hi + Phục Bình) - dễ có phiền muộn trong Gia Đạo (Tang Môn, Kinh Đà, Cô Quả + Kinh Đà Tang lưu).

Nhất là đối với các Quý Bà sinh tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu, lại càng phải cảnh giác hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ thêm trong Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ !. Tài Lộc vượng vào

giữa HẠ. Nên làm nhiều việc Thiện (Song Hao), vừa đỡ rủi ro, tật bệnh do *Năm Tuổi hợp Mệnh*, lại được tăng cao Uy Tín và nhất là để dành nhiều Phúc Đức cho Con Cháu sau này. Nên theo lời khuyên của *Quẻ Hỏa Trạch KHUÊ* như Nam mạng.

Phong Thủy : Quẻ *Cấn* có 4 Hướng tốt : Tây Nam (Sinh Khí : Tài Lộc), Tây (Diên Niên : tuổi Thọ), Tây Bắc (Thiên Y : Sức Khỏe) và Đông Bắc (Phục Vị : Giao Dịch). Bốn hướng còn lại xấu ; xấu nhất là Hướng Đông Nam (Tuyệt Mệnh).

- *Bàn Làm Việc* : ngồi nhìn về Tây Nam (1^{er}), Tây, Tây Bắc
- *Giường Ngủ* : đầu Đông, chân Tây hay đầu Đông Bắc, chân Tây Nam.

Hiện đang ở Vận 8 (2004-2023), Ngũ Hoàng Sát (*đem lại rủi ro và tật bệnh*) nhập Hướng Đông Bắc (hướng tốt về Giao dịch của tuổi). Để giảm bớt sự tác hại của Ngũ Hoàng, nên treo 1 Phong Linh bằng Kim Khí ở góc Đông Bắc trong phòng Ngủ cho đến hết năm 2023 !. Niên Vận Đinh Dậu 2017 Ngũ Hoàng nhập hướng Bắc (hướng Ngũ Quỷ : ít may mắn) ; để hóa giải thêm, năm nay nên để 1 Xâu Tiền Cổ (9 đồng) dưới đệm nằm của Giường Ngủ ở góc Bắc !.

Đinh Dậu hợp với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Tân Sửu, Kỷ Sửu, Quý Sửu, Đinh Tỵ, Ất Tỵ, Kỷ Tỵ, Tân Dậu, Kỷ Dậu, hành Mộc, hành Hỏa và hành Thổ. Kỵ với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Ất Mão, Quý Mão và các tuổi mạng Thủy, mạng Kim mang hàng Can Nhâm, Quý.

Màu Sắc (quần áo, giày dép, xe cộ) : Hợp với các màu Xanh, Hồng, Đỏ. **Kỵ** với màu Xám, Đen, nếu dùng Xám, Đen nên xen kẽ Xanh hay Vàng, Nâu để giảm bớt sự khắc kỵ.

3) **Kỷ Dậu 49 tuổi** (sinh từ 16/2/1969 đến 5/2/1970 - **Đại Dịch Thổ** : Đất rộng lớn).

***Tính Chất chung Nam Nữ : Kỷ Dậu** nạp âm hành Thổ do Can Kỷ (Thổ) ghép với Chi Dậu (Kim), Thổ *sinh nhập* Kim = Can sinh Chi, Nạp Âm và Can Chi lại tương hợp Ngũ Hành, thuộc lứa tuổi có thực lực hơn người, căn bản vững chắc, nhiều may mắn, ít gặp trở ngại trên đường Đời từ Tiền Vận cho đến Hậu Vận. Dù trong Năm Xung tháng Hạn có gặp khó khăn trở ngại cũng dễ gặp Quý Nhân giúp sức để vượt qua dễ dàng. Thổ tính chứa nhiều trong Tuổi, khi Thổ vượng hay suy thiếu chất Mộc kèm chế các bộ phận Tiêu Hóa như Dạ Dày, Mật, Lá Lách dễ có vấn đề khi lớn tuổi nên lưu ý từ thời Trẻ về Già đỡ bận tâm. Sinh vào mùa Hạ hay các tháng giao mùa thì hợp mùa sinh - mùa Xuân ít thuận lợi. Nếu ngày sinh có hàng Can Bính Đinh sinh giờ Sửu Mùi được hưởng thêm Phúc ảm của dòng Họ.

Kỷ Dậu thuộc mẫu người trực tính, phúc hậu, cẩn thận và chu đáo mẫu mực, kiên nhẫn, mang trong lòng nhiều hoài bão (đặc tính của Can Kỷ). Thêm tính chất của Chi Dậu (thuộc chòm Sao Kim Ngưu « Taureau, Taurus ») rất chịu khó, siêng năng cần cù đúng giờ giấc (cầm tinh con Gà). Có óc tổ chức, ít khi lớn tiếng với ai, nhưng khi cần tranh cãi thì cũng bênh vực ý kiến của mình đến cùng. Nhận xét rất tinh tế, luôn đi trước người khác một bước trong mọi công việc, nhìn rõ được xu hướng phát triển – có sở trường về Kinh Tế, Tài Chánh. Thành công chưa đủ, sự thành công còn phải đi đến chỗ hoàn Thiện, toàn Mỹ mới chịu. Đặc tính của Tuổi Dậu là thích cái Đẹp - nhất là phái Nữ - cực kỳ mẫn cảm với màu sắc và trang điểm.

Nếu Mệnh Thân đóng tại Thân, Dậu thừa thiếu thời vất vả nhưng Trung Vận phát Phú – đóng tại Ngọ vừa giàu vừa Tài Hoa, danh lợi vẹn toàn. Đóng tại Tam Hợp (Tỵ Dậu Sửu) + Cục Kim với nhiều Chính Tinh và Trung Tinh đặc cách, xa lánh Hung Sát Tinh - *đặc biệt trong Tam Giác « Mệnh, THÂN » có 3 Sao Thái Tuế, Lộc Tồn và Trừng Sinh* (+ Hình Tượng : Tam Đình cân xứng, Ngũ Quan đầy đặn không khuyết hãm, 2 bàn tay với 3 chỉ Sinh Đạo, Trí Đạo, Tâm Đạo tạo thành chữ M ngay ngắn không đứt quãng, lại có thêm 2 chỉ May Mắn và Danh Vọng) cũng thuộc mẫu người thành công, có địa vị trong Xã Hội ở mọi ngành nghề. (*Nhà Văn Thạch Lam « Tự Lực Văn Đoàn » tuổi Kỷ Dậu 1909 mất năm Nhâm Ngọ 1942 khi*

vận số đi vào Hạn Kế Đô 34t - Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường tuổi Kỷ Dậu 1909, mất năm Đinh Sửu « 13/6/1997 » khi vận số đi vào Hạn Kế Đô 88t+ Kinh Đà – Ông Đạo Dừa Nguyễn Thành NAM tuổi Kỷ Dậu 1909 mất năm Canh Ngọ 1990 khi đi vào Hạn La Hầu 81t - Luật Sư Nguyễn Văn Đài, Danh Hải Hoài Linh đều có tuổi Kỷ Dậu 1969).

- a) **Nam Mạng** : Năm Tuổi 49 + Hạn Thái Bạch thuộc Kim sinh xuất với Thổ Mệnh và Can Kỷ (Thổ) ; cùng hành với Chi Dậu (Kim) : tốt và xấu cùng tăng cao ở giữa năm. Thái Bạch đối với Nam (+ năm tuổi) Hung nhiều hơn Cát. Phần Hung chủ về ưu sầu tai ương, rầy rà Quan Sự, hao tài tốn của, thị phi khẩu thiệt, rui ro và tật bệnh dễ đến bất thần, nhất là trong tháng Kị của Thái Bạch (tháng 5 âm lịch) và 2 tháng Kị hàng năm của Tuổi (4, 6). Độ xấu của Thái Bạch tác động vào chính Mệnh hay các Cung khác trong Lá Số Tử Vi , còn tùy thuộc vào Giờ Sinh !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm, Hạn có thể lân sang năm tới !. Ngày xưa để Giải Hạn Thái Bạch+Năm Tuổi, Cổ Nhân thường dùng lối Cúng Sao vào Đêm Rằm tháng 5 lúc 19-21g với 9 ngọn Nến, hoa quả trà nước, bần thờ quay về hướng Tây !.

Tiểu Vận : **Triệt** đóng tại Cung Dậu (Kim hợp Mệnh Thổ và Can Chi) đó là Cung Lưu Thái Tuế của Tiểu Vận – tuy có gây chút trở ngại cho mưu sự và công việc đang hanh thông, nhưng có lợi làm giảm nhẹ rui ro và tật bệnh do Hạn Thái Bạch, nếu gặp. Nhờ các Bộ Sao tốt của Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ hợp Mệnh và Can Chi) và Cung Lưu Thái Tuế : Thái Tuế, Quan Phủ, Tứ Linh (Long Phượng Hổ Cáo), Mã Khốc Khách, Hỉ Thân, Tâu Thờ, Thiên Quan, Văn Tinh, Đường Phù cũng đem lại hanh thông cho mưu sự và công việc (ở các tháng tốt) trong các Nghiệp Vụ thuộc các Lãnh Vực : Văn Hoá Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Kỹ Nghệ, Kinh Doanh, Địa Ốc, Xe Cộ, Siêu Thị, Nhà Hàng và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quần Chúng. Tuy gặp được nhiều Sao tốt, nhưng vì Năm Tuổi + Hạn Thái Bạch cùng hợp Mệnh, lại xen kẽ thêm bày Sao xấu : Kinh Đà, Quan Phủ, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Song Hao, Cô Quả và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện trong Tiểu Vận cũng nên *thận trọng* về rui ro, tật bệnh có thể bất thần xảy ra trong các tháng Kị (1, 4, 5, 6, 7, 10) về các mặt :

- *Công việc, Giao tiếp* : Năm Tuổi + Hạn Thái Bạch với Thái Tuế, Khôi Việt gặp Triệt, Phục Binh ; Tướng Ấn + Tuần, Kiếp Sát cũng nên lưu ý đến chức vụ, nhất là ở vị trí Chỉ Huy. Cần thận khi Đầu Tư và Khuếch Trương Hoạt Động. Nên mềm mỏng trong giao tiếp, không nên tranh luận và phản ứng mạnh (Phá Hư) dù có nhiều bất đồng, đố kỵ và ganh ghét do Tiểu Nhân.

- *Sức khỏe* : Năm Tuổi + Hạn Thái Bạch với Bệnh Phù + Thiếu Dương, Thiếu Âm + Phi Liêm, Trục Phù cũng nên lưu ý Tim Mạch, Mắt, nhất là với những ai đã có mầm bệnh - kể cả Tiêu Hóa - Nên đi kiểm tra sức khỏe khi có dấu hiệu bất ổn !.

- *Di chuyển* : Hạn chế Di chuyển xa (Mã + Tang, Kinh Đà), lưu ý xe cộ, vật nhọn, tránh nhảy cao, trượt băng - cẩn thận khi làm việc bên các Dàn Máy nguy hiểm trong các tháng (4, 5, 10).

- *Tình Cảm Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp, nhưng cũng dễ có Con Giông bất chợt (Thiên Hỉ gặp Phục Binh) dễ có bất hòa và phiền muộn (Tang Môn, Kinh Đà Tang + Kinh Đà Tang lưu, Cô Quả) – không nên phiêu lưu nếu đang êm ấm trong đời sống lứa đôi !.

Nhất là đối với các Quý Ông sinh vào tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá số Tử Vi có 1 trong các Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu, lại càng nên *cảnh giác* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* trong Tiểu Vận dễ đem đến rui ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ ! Tài Lộc vượng vào giữa Hạ. Nên làm nhiều việc Thiện (Lộc + Hà Sát, Song Hao) : đó không những là 1 cách giải hạn Năm Tuổi + Hạn Thái Bạch của Cổ Nhân (*của đi thay người !*), mà còn là cách

Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này !. Nên theo lời khuyên của **Quẻ Hỏa Trạch KHUÊ** như tuổi Đinh Dậu 1957.

Phong Thủy : Quẻ *Tôn* có 4 Hướng tốt : Bắc (Sinh Khí : Tài Lộc), Nam (Thiên Y : sức khỏe), Đông (Diên Niên : tuổi Thọ) và Đông Nam (Phục Vị : Giao Dịch). Bốn hướng còn lại xấu ; xấu nhất là Đông Bắc (Tuyệt Mệnh).

- *Bàn Làm Việc* : ngồi nhìn về Bắc (1^{er}), Nam, Đông, Đông Nam
- *Giường Ngủ* : đầu Nam, chân Bắc hay đầu Tây, chân Đông.

Hiện đang ở Vận 8 (2004- 2023), Ngũ Hoàng Sát (đem lại rủi ro và tật bệnh) nhập hướng Tây Nam (hướng Ngũ Quỷ : ít may mắn). Đề giảm bớt tác hại của Ngũ Hoàng, nên treo 1 Phong Linh ở góc Tây Nam trong phòng ngủ cho đến hết năm 2023. Niên Vận Đinh Dậu 2017 Ngũ Hoàng nhập hướng Bắc (hướng tốt nhất của tuổi : *độ xấu tăng cao !*), để hóa giải thêm, năm nay nên để 1 Xâu Tiền Cỏ (7 đồng) ở dưới đệm nằm của Giường Ngủ ở góc Bắc !

b) **Nữ Mạng** : Năm Tuổi 49 + Hạn Thái Âm thuộc Thủy khắc xuất với Thổ Mệnh và Can Kỷ (Thổ), sinh xuất với Chi Dậu (Kim) : độ tốt giảm ở đầu và cuối năm. Thái Âm là Hạn lành chủ về Danh Lợi : Công Danh thăng tiến, Tài Lộc dồi dào, Gia Đạo vui vẻ bình an, nhiều Hi Tín ; càng đi làm nơi xa càng có lợi !. Nhưng bất lợi cho những ai đã có vấn đề về Tim Mạch, Mắt và Khí Huyết : dễ bị đau đầu khó ngủ, tâm trí bất an, tinh thần giao động. Không nên thức khuya và sử dụng Màn Hình trong nhiều Giờ !. Mỗi khi thấy lòng bất an, nên tìm cách Du Ngoạn ngắn ngày hay tìm nơi thoáng mát để Di Dưỡng Tinh Thần !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm Hạn có thể lân sang năm tới !.

Tiểu Vận : Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ hợp Mệnh và Can Chi), lưu Thái Tuế đóng tại Cung Dậu (Kim hợp Mệnh và Can Chi) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phủ, Tử Linh (Long Phụng Hồ Cáo), Mã Khốc Khách, Hi Thần, Tẩu Thơ, Văn Tinh, Thiên Quan, Đường Phù + Hạn Thái Âm tốt cũng dễ đem lại hanh thông cho mưu sự và công việc - kể cả Tài Lộc - trong các Nghiệp Vụ thuộc các Lĩnh Vực : Văn Hóa Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Địa Ốc, Đầu Tư, Kinh Doanh, Kỹ Nghệ, Siêu Thị, Nhà Hàng và các ngành nghề tiếp xúc nhiều với Quần Chúng !. Tuy gặp nhiều Sao tốt và Hạn tốt, nhưng gặp Năm Tuổi hợp Mệnh, lại xen kẽ thêm nhiều Sao xấu : Kinh Đà, Quan Phủ, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Song Hao, Cô Quả và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện nơi Tiểu Vận, cũng nên *thận trọng* với rủi ro và tật bệnh có thể xảy ra trong các tháng Kị (1, 4, 6, 8, 10) về các mặt :

- *Công việc, Giao Tiếp* : Hạn Thái Âm tuy tốt, nhưng gặp Năm Tuổi với Thái Tuế, Khôi Việt gặp **Triệt**, Phục Bình và Tướng Ấn + Tuần, Kiếp Sát cũng nên lưu ý đến chức vụ và Tiền Bạc. Nên mềm mỏng trong giao tiếp, không nên tranh luận và phản ứng mạnh (Phá Hư), dù có nhiều bất đồng, ganh ghét và đố kỵ của Tiểu Nhân.

- *Sức khỏe* : Hạn Thái Âm gặp Năm Tuổi với Bệnh Phù + Thiếu Dương, Thiếu Âm + Phi Liêm, Trục Phù cũng nên lưu ý đến Tim Mạch, Mắt và Khí Huyết, nhất là với những ai đã có mầm bệnh ; cần đi kiểm tra khi có dấu hiệu bất ổn !.

- *Tình Cảm, Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp nhưng dễ có Bóng Mây bất chợt (Đào Hồng nhị hợp Kinh, Đà, Cô Quả) - dễ có phiền muộn và chuyện buồn trong Gia Đạo, không nên phiêu lưu, nếu đang êm ấm ! (Tang Môn, Kinh Đà + Kinh Đà Tang lưu).

- *Di chuyển* : Mã + Tang, Kinh Đà : lưu ý xe cộ, vật nhọn, không nên nhảy cao, trượt băng, để té ngã, cẩn thận khi đứng trước các dàn máy nguy hiểm - thận trọng khi Di Chuyển xa trong các tháng Kị (4, 6, 10) .

Nhất là các Quý Bà sinh vào tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu

càng nên *thận trọng* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* trong Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ ! Tài Lộc vượng vào giữa Hạ. Nên hao tán (Lộc + Hà Sát, Song Hao) bằng cách làm nhiều việc Thiện – đó không những là 1 cách giải hạn rủi ro và tật bệnh của Cổ Nhân, mà còn là cách Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này !. Nên theo lời khuyên của **Quẻ Hỏa Trạch KHUẾ** như tuổi Đinh Dậu 1957.

Phong Thủy : Quẻ *Khôn* có 4 Hướng tốt : Đông Bắc (Sinh Khí : Tài Lộc), Tây Bắc (Diên Niên : tuổi Thọ), Tây (Thiên Y : sức khỏe) và Tây Nam (Phục Vị : giao dịch). Bốn hướng còn lại xấu ; xấu nhất Hướng Bắc (Tuyệt Mệnh).

- *Bàn Làm Việc* : ngồi nhìn về Đông Bắc, Tây Nam, Tây, Tây Bắc.

- *Giường Ngủ* : đầu Đông, chân Tây hay đầu Đông Bắc, chân Tây Nam.

Hiện đang ở Vận 8 (2004- 2023), Ngũ Hoàng Sát (*đem lại rủi ro và tật bệnh*) nhập hướng Đông Bắc (hướng tốt nhất của Tuổi). Để giảm bớt sức tác hại của Ngũ Hoàng nên treo 1 Phong Linh bằng Kim Khí trong phòng ngủ ở góc Đông Bắc cho đến năm 2023. Niên Vận Đinh Dậu 2017 Ngũ Hoàng nhập Hướng Bắc (hướng xấu nhất của Tuổi : *độ xấu tăng cao !*) ; để hóa giải thêm năm nay nên để 1 Xâu Tiền Cổ (9 đồng) dưới đệm nằm của Giường Ngủ ở góc Bắc !.

Kỷ Dậu hợp với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Tân Sửu, Kỷ Sửu, Ất Sửu, Đinh Tỵ, Ất Tỵ, Tân Tỵ, Đinh Dậu, Quý Dậu, hành Hỏa, hành Thổ và hành Kim. Kỵ với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Tân Mão, Ất Mão và các tuổi mạng Mộc, mạng Thủy mang hàng Can Giáp, Ất.

Màu Sắc (*quần áo, giày dép, xe cộ*) : **Hợp** với các màu Hồng, Đỏ, Vàng, Nâu. **Kỵ** với các màu Xanh, nếu dùng Xanh nên xen kẽ Đỏ, Hồng hay Trắng, Đen để giảm bớt sự khắc kỵ.

4) Tân Dậu 37 tuổi (sinh từ 5/2/1981 đến 24/1/1982 - **Thạch Lựu Mộc** : Gỗ cây Thạch Lựu).

***Tính Chất chung Nam Nữ : Tân Dậu** nạp âm hành Mộc do Can Tân (Kim) ghép với Chi Dậu (Kim) – Can và Chi *cùng hành* Kim, thuộc lứa tuổi có năng lực thực tài, căn bản vững chắc, ít gặp trở ngại từ Tiểu Vận đến Trung Vận. Hậu Vận ít thuận lợi, thường gặp trở ngại và nhiều điều không xứng ý thuận lòng, vì Can Chi khắc Nạp Âm. Tân Dậu chứa nhiều Kim tính trong tuổi ; khi lớn tuổi dù Kim vượng hay suy thiếu chất Hòa kèm chế, các bộ phận như Phổi, Ruột dễ có vấn đề - nên lưu ý từ thời Trẻ về Già đỡ bận tâm !.

Tân Dậu có đầy đủ đặc tính của Can Tân : thận trọng, sắc sảo, thẳng thắn, cương nhu tùy lúc, gặp thời biến hóa như Rồng. Chi Dậu (thuộc chòm Sao Kim Ngưu « Taureau, Taurus » rất chịu khó, cần cù siêng năng, chăm chỉ đúng giờ giấc (cầm tinh con Gà). Mẫu người có đầu óc trật tự, ít khi to tiếng với ai, nhưng lúc tranh cãi thì bảo vệ ý kiến của mình đến cùng. Tầm nhận xét rất tinh tế trước khi có một vấn đề nào đó sảy ra, luôn đi trước các người khác một bước – phán đoán công việc cực kỳ chính xác nên hậu quả công việc thường vượt quá sức tưởng tượng !. Có khiếu về Quản Trị, Tài Chánh, mang nhiều tham vọng và luôn luôn hướng tới mục đích đã vạch sẵn đến cùng, ít khi chịu bỏ dở.

Nếu Mệnh Thân đóng tại Thìn, Tỵ thừa thiếu thời vất vả nhưng Trung Vận phát Phú. Đóng tại Tam Hợp (Tỵ Dậu Sửu) + Cục Kim hay tại các cung khác với nhiều Chính Tinh và Trung Tinh đặc cách hợp Mệnh, xa lánh Hung Sát Tinh - *đặc biệt trong Tam Giác « Mệnh, THÂN »* có 3 Sao Thái Tuế, Lộc Tồn và Trạng Sinh (+ Hình Tượng : Tam Đình cân xứng, Ngũ Quan đầy đặn không khuyết hãm, da dẻ tươi nhuận, 2 bàn

tay với 3 chỉ Sinh Đạo, Trí Đạo, Tâm Đạo tạo thành chữ M ngay ngắn không đứt quãng, lại có thêm 2 chỉ May Mắn và Danh Vọng) cũng là mẫu người thành công có địa vị trong Xã Hội ở mọi ngành nghề. (*Quân Sư Khổng Minh đời Tam Quốc tuổi Tân Dậu 181- Đức Hồng Y Trịnh văn Căn tuổi Tân Dậu 1921 mất năm Canh Ngọ 1990 : Hạn Kế Đô 70t + Kinh Đà - Đại Tướng Cao Văn Viên tuổi Tân Dậu « 21/12/1921 » mất năm Đinh Hợi « 22/1/2008 »- Thủ Tướng Nguyễn Xuân Oánh, GsTs Trần Văn Khê, Nhạc Sĩ Phạm Duy, Thi Sĩ Quang Dũng, Họa Sĩ Tạ Tỵ đều có tuổi Tân Dậu 1921- Nữ Hoàng Nhạc Pop Mỹ Britney Spears ; Blogger Nguyễn Hoàng Quốc Hùng, Danh Thủ Tennis Thụy Sĩ Roger Federer và Nữ Danh Thủ Tennis Mỹ Serena Williams đều có tuổi Tân Dậu 1981).*

Tân Dậu theo Dịch Lý thuộc **Trạch Vi Đòai (hay Thuần Đòai)** : *Trạch là ao, hồ ; Đòai cũng là ao, hồ.* Theo nghĩa bóng là vui lòng, vừa ý. *Hình ảnh của Quẻ* : Ao, hồ trông lên nhau tạo nên hình ảnh của sự vui vẻ thỏa mãn, vừa lòng, sự quang minh, quân bình, khả năng thuyết phục người khác. Đoàn kết với bạn bè để đem lại niềm vui cho mọi người và làm cho mọi người tâm phục, xử sự như vậy ai cũng vừa lòng đẹp ý. Nhưng nhớ một điều : Miệng lưỡi là Họa hay Phúc khó lường trước!. Do vậy khi làm việc gì cũng nên cẩn thận lời nói trong giao tiếp với người chung quanh cũng như bè bạn.

- a) **Nam Mạng** : *Năm Tuổi 37 + Hạn La Hầu* thuộc Mộc cùng hành với Mộc Mệnh, khắc xuất với Chi Dậu (Kim) và Can Tân (Kim) : độ xấu tăng cao ở cuối năm. La Hầu tối độc cho Nam Mạng « nhất là vào Năm Tuổi ». Phần Hung chủ về ưu sầu tai ương, rầy rà Quan Sự, hao tài tốn của, thị phi khẩu thiệt, rủi ro và tật bệnh dễ đến bất thần, nhất là trong 2 tháng Kị của La Hầu (1, 7) và 2 tháng Kị hàng năm của Tuổi (7, 9). Độ xấu của La Hầu tác động vào chính Minh hay các Cung khác trong Lá Số Tử Vi, còn tùy thuộc vào Giờ Sinh !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm, Hạn có thể lân sang năm tới !.

Ngày xưa để Giải Hạn La Hầu + Năm Tuổi, Cổ Nhân thường dùng lối Cúng Sao vào Đêm Mồng 8 của 2 tháng (1, 7) với 9 ngọn Nến, hoa quả trà nước, bần thờ quay về Hướng Bắc !.

Tiểu Vận : Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ khắc xuất Mệnh, nhưng hợp Can Chi), Lưu Thái Tuế tại Cung Dậu (Kim khắc nhập Mệnh nhưng hợp Can và Chi) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phù, Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cáo), Mã Khốc Khách, Lộc Tôn, Bác Sĩ, Thiên Quan, Thiên Phúc, Thanh Long, Tướng Ấn cũng đem lại hanh thông thăng tiến, cũng như Tài Lộc về Nghiệp Vụ trong các Lãnh Vực : Văn Hóa Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Địa Ốc, Kinh Doanh, Kỹ Nghệ, Siêu Thị, Nhà Hàng và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quần Chúng. Tuy gặp được năm Hạn Hỏa hợp Mệnh và nhiều Sao tốt, nhưng gặp Năm Tuổi + Hạn La Hầu hợp Mệnh, lại xen kẽ thêm bày Sao xấu : Phục Binh, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Phi Liêm, Cô Quả, Bệnh Phù và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện trong Tiểu Vận cũng nên *cảnh giác* nhiều về rủi ro và tật bệnh có thể xảy ra trong các tháng Kị (1, 3, 5, 7, 9, 10) về các mặt :

- *Công việc, Giao tiếp* : Năm Tuổi + Hạn La Hầu với Tướng Ấn + Triệt, Khôi Việt + Kinh Đà, Phá Toái cũng nên lưu ý đến chức vụ và Tiền Bạc. Không nên Đầu Tư và Khuếch Trương Hoạt Động !. Nên mềm mỏng trong giao tiếp, tránh tranh cãi và phản ứng mạnh (Phá Hư), dù có nhiều bất đồng, đố kị và ganh ghét của Tiểu Nhân.

- *Sức khỏe* : Hạn La Hầu với Bệnh Phù + Thiếu Dương, Thiếu Âm gặp Kinh Đà, Quan Phủ cũng nên lưu tâm nhiều đến Tim Mạch, Mắt, nhất là với những ai đã có mầm bệnh - kể cả Phôi, Ruột – nên đi kiểm tra khi có dấu hiệu bất ổn !.

- *Di chuyển* : Không nên Di Chuyển xa (Mã + Tang, Phục Bình), lưu ý xe cộ, vật nhọn, tránh nhảy cao, trượt băng trong các tháng « 1, 7, 9, 10 » ; nhất là những ai làm việc bên cạnh các Dàn Máy nguy hiểm !!.

- *Tình Cảm, Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp, rất thuận lợi cho các Em còn độc thân, nhưng cũng dễ có Con Giông bất chợt (Đào Hồng + Kinh, Hi + Tuần) - dễ có phiền muộn trong Gia Đạo (Tang Môn, Cô Quả + Kinh Đà Tang lưu) – không nên Phiêu Lưu, nếu đang êm ấm !.

Nhất là đối với các Em sinh vào tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu, lại càng phải *cảnh giác* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* trong Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ !. Tài Lộc vượng vào giữa THU. Nên làm nhiều việc Thiện (Lộc + Hà Sát, Phá Toái) – đó không những là 1 cách giải hạn Năm Tuổi + Hạn La Hầu của Cổ Nhân (*của đi thay người* !), mà còn là cách Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này. Nên theo lời khuyên của **Quẻ Trạch Vi ĐOÀI** .

Phong Thủy : Quẻ Khảm giống như Ất Dậu 1945 Nam 73 tuổi.

b) **Nữ Mạng** : Năm Tuổi 37+ Hạn Kế Đô thuộc Kim khắc nhập với Mộc Mệnh, cùng hành với Can Tân và Chi Dậu có cùng hành Kim : độ xấu tăng cao ở cuối năm. Kế Đô tối độc đối với Nữ Mạng, nhất là Năm Tuổi !. Phần Hung chủ về ưu sàu tai oan, rầy rà Quan sự, hao tài tổn của, thị phi khẩu thiệt, rủi ro và tật bệnh dễ đến bất thần, nhất là trong 2 tháng Kị của Kế Đô (3, 9) và 2 tháng Kị hàng năm của Tuổi (7, 9). Độ xấu của Kế Đô tác động vào chính Minh hay các Cung khác (trong Lá Số Tử Vi) còn tùy thuộc vào Giờ Sinh !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm, Hạn có thể lân sang năm tới !.

Ngày xưa để Giải Hạn Kế Đô + Năm Tuổi, Cổ Nhân thường dùng lối Cúng Sao vào Đêm 18 lúc 21-23 giờ ở 2 tháng (3, 9) với 21 ngọn Nến, hoa quả trà nước, bần thờ quay về Hương Tây !.

Tiểu Vận : Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ khắc xuất Mệnh, nhưng hợp với Can Chi) và Lưu Thái Tuế cùng đóng tại Cung Dậu (Kim khắc nhập Mệnh, nhưng hợp Can Chi) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phù, Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cáo), Lộc Tôn, Bác Sĩ, Mã Khốc Khách, Thiên Quan, Thiên Phúc, Thanh Long, Tướng Ấn dễ đem lại thuận lợi lúc đầu cho mưu sự và tài lộc ở các Nghiệp Vụ thuộc Lãnh Vực : Văn Hóa Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Đầu Tư, Chứng Khóan, Kinh Doanh, Kỹ Nghệ, Siêu Thị, Nhà Hàng và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quần Chúng. Tuy gặp được nhiều Sao tốt nhưng gặp Năm Tuổi + Hạn Kế Đô khắc Mệnh, lại xen kẽ thêm bầy Sao xấu : Tuần, Triệt, Phục Bình, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Phi Liêm, Bệnh Phù, Cô Quả và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện tại Tiểu Vận cũng nên *cảnh giác* mọi sự xấu (rủi ro, tật bệnh) có thể xảy ra trong các tháng Kị (3, 5, 7, 9, 10, 11) về các mặt :

- *Công việc, Giao tiếp* : Năm Tuổi+ Hạn Kế Đô với Tướng Ấn + Tuần, Triệt, Phục Bình, Khôi Việt + Kinh, Hà Sát cũng nên lưu ý đến chức vụ và tiền bạc. Không nên Đầu Tư và Khuếch Trương Hoạt Động !. Nên hòa nhã trong giao tiếp ; tránh tranh luận và phản ứng mạnh (Phá Hư), dù có nhiều bất đồng, ganh ghét đố kỵ của Tiểu Nhân !.

- *Sức Khỏe* : Hạn Kế Đô với Bệnh Phù, Thiểu Âm + Tuần, Đà, Quan Phủ, Thiểu Dương + Kinh cũng nên lưu ý đến Tim Mạch, Mắt và Khí Huyết, nhất là đối với những ai đã có mầm bệnh ! kể cả Bộ máy Tiêu Hóa – nên đi Kiểm Tra thường xuyên khi thấy có dấu hiệu bất ổn.

- *Tình Cảm, Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp, thuận lợi cho các Bạn còn độc thân nhưng dễ có Con Giông bất chợt (Hi + Tuần, Đào Hồng + Kinh, nhị hợp Phục Bình) - dễ có

phiên muộn trong Gia Đạo (Tang Môn + Cô Quả + Kinh Đà Tang lưu)- không nên phiêu lưu, nếu đang êm ấm !.

- *Di chuyển* : Không nên Di Chuyển xa (Mã + Tang Môn, Phục Bình), nên lưu ý xe cộ, vật nhọn, tránh nhảy cao, trượt băng và khi làm việc trước các Dàn Máy nguy hiểm trong các tháng (4, 7, 9).

Nhất là đối với những Em sinh vào tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu lại càng phải *cảnh giác* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* trong Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ !. Tài Lộc vướng vào giữa THU. Nên hao tán bằng cách làm nhiều việc Thiện – đó không những là 1 cách Giải Hạn Kế Đô + Năm Tuổi của Cổ Nhân (*của đi thay người !*), mà còn là cách Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này. Nên theo lời khuyên của **Quẻ Trạch Vi ĐOÀI** như Nam mạng.

Phong Thủy : Quẻ *Cấn* giống như Ất Dậu 1945 Nữ 73 tuổi.

Tân Dậu hợp với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Quý Sửu, Đinh Sửu, Kỷ Sửu, Át Ty, Kỷ Ty, Quý Ty, Ất Dậu, Đinh Dậu, hành Thủy, hành Mộc và hành Hỏa. Kị với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Quý Mão, Kỷ Mão và các tuổi mạng Kim, mạng Thổ mang hàng Can Bính, Đinh.

Màu Sắc (*quần áo, giày dép, xe cộ*) : **Hợp** với các màu Xám, Đen, Xanh. **Kị** với màu Trắng, Ngà, nếu dùng Trắng, Ngà nên xen kẽ Xám, Đen hay Hồng, Đỏ để giảm bớt sự khắc kị.

5) Quý Dậu : Kiểm Phong Kim (Vàng trên Mũi Kiếm).

a) **Quý Dậu 25 tuổi** (sinh từ 23 / 1 / 1993 đến 9 / 2 / 1994).

b) **Quý Dậu 85 tuổi** (sinh từ 26 / 1 / 1933 đến 13 / 2 / 1934).

***Tính Chất chung Nam Nữ : Quý Dậu** nạp âm hành Kim do Can Quý (Thủy) ghép với Chi Dậu (Kim), Kim *sinh nhập* Thủy = Chi sinh Can ; Nạp Âm và Can Chi lại tương hợp Ngũ Hành, thuộc lứa tuổi có năng lực đầy đủ, căn bản vững chắc, nhiều may mắn, ít gặp trở ngại trên đường đời từ Tiền Vận cho đến Hậu Vận. Quý Dậu có nhiều Kim Tính, được tương hợp Ngũ Hành, tuổi Âm nên tính tình khiêm nhường, có lòng vị tha, ngay thẳng, bất khuất, nặng lòng với bà con dòng Họ, đồng bào và đất nước. Vì Kim tính chứa nhiều trong tuổi nên khi lớn tuổi các bộ phận Tuần Hoàn, nhất là Phổi hay Ruột và Mũi dễ có vấn đề ; nên lưu tâm từ thời Trẻ. Nếu ngày sinh có Can Nhâm Quý, sinh giờ Sửu Mùi còn được hưởng trọn Phúc âm của Tổ Tiên. Sinh vào mùa Thu hay Đông là thuận mùa sinh ; mùa Hạ hơi vất vả.

Mẫu người trọng Tình Nghĩa, giàu nghĩa khí, trực tính nên dễ va chạm ; nếu cùng hợp tác chung với người mạng Kim dễ đưa đến vấn đề tranh cãi, khó bề nhường nhịn nhau, đôi khi còn đưa đến chuyện khó hàn gắn !.

Mệnh Thân đóng tại Tý, Sửu thừa thiếu thời lận đận, song Trung Vận phát Phú và có Danh Vọng. Đóng tại Tam Hợp (Ty Dậu Sửu) + Cục Kim hay tại các cung khác có nhiều Chính Tinh và Trung Tinh đặc cách hợp Mệnh, xa lánh Hung Sát Tinh - *đặc biệt trong Tam Giác « Mệnh, THÂN » có 3 Sao Thái Tuế, Lộc Tồn và Trùng Sinh* (+ Hình Tướng : Tam Đình cân xứng, Ngũ Quan đầy đặn không khuyết hãm, da dẻ tươi nhuận, 2 bàn tay với 3 chỉ Sinh Đạo, Trí Đạo, Tâm Đạo tạo thành chữ M ngay ngắn không đứt quãng, lại có thêm 2 chỉ May Mắn và Danh Vọng) cũng là mẫu người thành công, có địa vị trong Xã Hội ở mọi ngành nghề. (*Thiếu Tướng Lê Văn Hưng, Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ đều có tuổi Quý Dậu 1933- cùng tuần tiết năm Ất Mão 1975 khi vận số đi vào Hạn Kế Đô 43t + Kinh Đà – Nhạc Sư Lê Văn*

Khoa, Nhà Văn Vy Thanh, Nhà Văn Văn Quang, Nhà Văn Vũ Thư Hiên đều có tuổi Quý Dậu 1933).

Quý Dậu theo Dịch Lý thuộc **Quẻ Thủy Trạch TIẾT** : Thủy (hay Khảm là Nước), Trạch hay Đoài là ao, hồ, đầm) ; TIẾT là giữ chừng mực, là đến giới hạn nào thì ngừng như tiết chế, tiết độ, tiết kiệm. *Hình ảnh của Quẻ* : Trên ao, hồ có nước, bờ ao hạn chế số nước trong ao nên gọi là Tiết. Trong đời sống hàng ngày, cái gì dùng vừa đủ, vừa phải là tốt ; thái quá cũng như bất cập đều xấu. Quẻ này có 3 Hào Dương cương và 3 Hào Âm nhu nên được cân bằng nhờ có 2 Hào đắc Trung (Hào 2 và Hào 5) đều Dương cương, vì vậy mà xử sự được đúng Tiết. Do đó nếu biết Tiết Chế thì mọi sự được hanh thông. Trên cương vị quyền hành, nếu tiết chế quá, bắt mọi người khổ cực thì không ai chấp nhận lâu dài, đâm ra bất mãn, vì thế không thể có sự hanh thông.

Trong trời Đất, 4 mùa thay đổi nắng mưa, nóng lạnh đều có chừng mực thì không khí vận hành tốt đẹp, đem quân bình cho muôn vật. Nếu mưa nhiều thì bão lụt, nắng nhiều thì hạn hán không tốt. Đạo ở Người thì cũng vậy, Quẻ này khuyên Ta nên giữ tiết độ trong Cuộc Sống dù ở bất cứ địa vị nào. Nếu ở vị trí Chỉ Huy hay cầm quyền một Tập Thể lại càng phải tiết chế, nếu tình huống vừa trải qua một thời Hoán (loạn lạc nhiễu nhương). Như xã hội, quốc gia vừa trải qua một cuộc hoán tảo, phong tục suy đồi, nhiễu nhương, kinh tế cùng kiệt thì phải dùng đạo Tiết : Về Tài Chính, tiết chế thì đỡ hao tốn ; về Giáo Dục tiết chế thì dễ thích ứng ; về Quân Sự tiết chế thì mới nghiêm minh. Song cần phải chừng mực, quá tiết thì dân chịu không nổi, quá dễ dàng thì khó chỉ huy điều hành.

a) Quý Dậu 25 tuổi (sinh từ 23 / 1 / 1993 đến 9 / 2 / 1994).

Nam Mạng : Năm Tuổi 25 + Hạn Kế Đô thuộc Kim cùng hành với Kim Mệnh và Chi Dậu (Kim), sinh nhập với Can Quý (Thủy) : độ tốt và xấu tăng cao ở đầu năm. Kế Đô đối với Nam Mạng nửa Cát , nửa Hung. Phần Hung chủ về ưu sầu, tai ương, rầy rà Quan Sự, hao tài tổn của, thị phi khẩu thiệt, rui ro và tật bệnh dễ đến bất thần, nhất là trong 2 tháng Kị của Kế Đô (3, 9) và 2 tháng Kị hàng năm của Tuổi (10, 12). Độ xấu của Kế Đô tác động vào chính Mệnh hay các Cung khác trong Lá Số Tử Vi, còn tùy thuộc vào Giờ Sinh !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm, Hạn có thể lân sang năm tới !.

Tiểu Vận : Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ hợp Kim Mệnh và Chi, nhưng khắc Can), Lưu Thái Tuế tại Cung Dậu (Kim hợp Mệnh và Can Chi) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phủ, Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cáo), Mã Khốc Khách, Hi Thần, Tấu Thờ, Khôi Việt, Văn Tinh, Thiên Phúc, Đường Phù cũng dễ đem lại hanh thông cho mưu sự và việc học hành, thi cử và việc làm, kể cả Tài Lộc (ở các tháng tốt) trong các Lãnh Vực : Văn Hóa Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Kinh Doanh, Kỹ Nghệ, Nhà Hàng, Siêu Thị và các ngành nghề tiếp cận nhiều với quần chúng. Tuy gặp được nhiều Sao tốt, nhưng gặp năm Hạn Hỏa khắc Mệnh và Can, Chi + Hạn Kế Đô hợp Mệnh, lại xen kẽ thêm bầy Sao xấu : Kinh Đà, Quan Phủ, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Cô Quả, Song Hao và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện trong Tiểu Vận cũng nên lưu ý về rui ro và tật bệnh có thể xảy ra trong các tháng Kị (5, 8, 9, 10, 12) về các mặt :

- **Học hành, Thi Cử, Công việc, Giao tiếp** : Năm Tuổi + Hạn Kế Đô với Khôi Việt + Đà, Tang, Tướng Ấn + Phục Bình, Lộc + Triệt cũng nên lưu ý công việc, học hành thi cử và tiền bạc. Cẩn thận khi Đầu Tư và mở rộng Hoạt Động. Nên mềm mỏng trong giao tiếp, tránh tranh luận và phản ứng mạnh (Phá Hư), dù có nhiều bất đồng, ganh ghét và đố kỵ do Tiểu Nhân !.

- **Sức Khỏe** : Năm Tuổi + Hạn Kế Đô với Kinh Đà, Quan Phủ, Bệnh Phù + Thiếu Dương, Thiếu Âm cũng nên lưu ý đến Tim Mạch, Phổi và Mắt với những ai đã có mầm bệnh và nên đi kiểm tra nếu có dấu hiệu bất ổn.

- *Tình Cảm, Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp, rất thuận lợi cho các Em còn độc thân, nhưng cũng dễ có Bóng Mây bất chợt (Hi + Triệt, Đào Hồng gặp Phục Bình), dễ có phiền muộn trong Gia Đạo (Tang Môn, Cô Quả + Kinh Đà Tang lưu).

- *Di Chuyển* : Cần thận khi Di Chuyển xa (Mã + Đà Tang), lưu ý xe cộ, vật nhọn, tránh leo trèo, nhảy cao, trượt băng, việc làm bên cạnh các Dàn Máy nguy hiểm trong các tháng Kị (3, 9, 10, 12).

Nhất là đối với những Em sinh tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu lại càng phải *cảnh giác* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* nơi Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ !. Tài Lộc vướng vào giữa Đông. Nên làm nhiều việc Thiện (Lộc + Triệt, Hà Sát) – đó không những là 1 cách giải Hạn Kế Đô + Năm Tuổi của Cổ Nhân (*cửa đi thay người !*) mà còn là cách Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này !. Nên theo lời khuyên của **Quẻ Thủy Trạch TIẾT** như Nam Mạng.

Phong Thủy : Quẻ Đoài giống như tuổi Đinh Dậu 1957 Nam 61 tuổi.

Nữ Mạng : Năm Tuổi 25 + Hạn Thái Dương thuộc Hỏa khắc nhập với Kim Mệnh và Chi Dậu (Kim), khắc xuất với Can Quý (Thủy) : độ tốt giảm nhẹ cao ở giữa và cuối năm. Thái Dương là Hạn Lành chủ về Danh Lợi : Công Danh thăng tiến, Tài Lộc dồi dào, Gia Đạo vui vẻ bình an, nhiều Hi Tín, càng đi làm xa, càng có lợi !. Nhưng bất lợi cho những ai đã có vấn đề về Tim Mạch, Mắt và Khí Huyết : dễ đau đầu khó ngủ, tâm trí bất an, tinh thần giao động. Không nên thức khuya và xử dụng Màn Hình trong nhiều Giờ !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối Năm, Hạn có thể lân sang năm tới !.

Tiểu Vận : Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ hợp Mệnh và Chi, nhưng khắc Can) và Lưu Thái Tuế đóng tại Cung Dậu (Kim hợp Mệnh và Can Chi) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phù, Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cáo), Mã Khốc Khách, Thiên Quan, Thiên Phúc, Khôi Việt, Văn Tinh, Đường Phù + Hạn Thái Dương cũng có lợi nhiều cho việc học hành, thi cử, kể cả các công việc thuộc Lãnh Vực : Văn Hoá Nghệ Thuật, Truyền thông, Thẩm Mỹ, Kinh Doanh, Kỹ Nghệ, Địa Ốc, Xe Cộ, Nhà Hàng, Siêu Thị và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quần Chúng. Tuy gặp được nhiều Sao tốt và Hạn Thái Dương tốt, nhưng vì gặp Năm Tuổi hành Hỏa khắc Mệnh, lại xen kẽ thêm bầy Sao xấu : Kinh Đà, Quan Phủ, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Cô Quả, Song Hao và Kinh Đà Tang lưu cùng hiện diện trong Tiểu Vận cũng nên *thận trọng* đến rủi ro và tật bệnh có thể xảy ra trong các tháng Kị (5, 7, 9, 10, 12) về các mặt :

- *Học hành, Thi Cử, Công việc, Giao tiếp* : Hạn Thái Dương tuy tốt, nhưng gặp Năm Tuổi với Khôi Việt + Kinh Đà, Quan Phủ, Tướng Ấn + Phục Bình, Lộc + Triệt cũng nên lưu ý chức vụ, cần thận khi thi cử « tinh thần dễ bất ổn », cần thận về tiền bạc. Nên hoà nhã trong giao tiếp, tránh tranh luận và phản ứng mạnh (Phá Hư), dù có nhiều bất đồng do ganh ghét, đố kị của Tiểu Nhân .

- *Sức Khỏe* : Hạn Thái Dương với Thiếu Dương + Tuần, Thiếu Âm + Triệt cũng nên quan tâm đến Tim Mạch, Mắt, Khí Huyết, nhất là những ai đã có vấn đề - cần kiểm tra thường xuyên khi có dấu hiệu bất ổn !.

- *Tình Cảm Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp, rất thuận lợi cho những ai còn độc thân, nhưng dễ có Bóng Mây bất chợt (Hi + Triệt, Đào Hồng + Phục Bình) - dễ có phiền muộn trong Gia Đạo (Cô Quả, Tang Môn, Kinh Đà + Kinh Đà Tang lưu) – không nên phiêu lưu, nếu đang êm ấm !.

- *Di Chuyển* : Di Chuyển xa nên cẩn thận (Mã + Đà, Tang), lưu ý xe cộ, vật nhọn, không nên nhảy cao, trượt băng trong các tháng Kị (9, 10, 12), nhất là khi hoạt động bên cạnh các Dàn Máy nguy hiểm trong Hạng Xương ! .

Đặc biệt với các Em sinh vào tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu, lại càng phải *cảnh giác* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* trong Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ ! Tài Lộc vượng vào giữa ĐÔNG. Nên làm nhiều việc Thiện (Lộc + Triệt), đó là 1 cách giải hạn (rủi ro và tật bệnh) của Cổ Nhân (*của đi thay người !*). Nên biết tri túc, tiết chế bản thân theo *Quẻ Thủy Trạch TIẾT* của tuổi (xem ở Nam mạng) thì dễ thành công.

Phong Thủy : Quẻ *Cấn* giống như Đinh Dậu 1957 Nữ 61 tuổi.

c) **Quý Dậu 85 tuổi** (sinh từ 26/1/1933 đến 13/2/1934).

Nam Mạng : Năm Tuổi 85 + Hạn Thái Bạch thuộc Kim cùng hành với Kim Mệnh và Chi Dậu (Kim), sinh nhập với Can Quý (Thủy) : độ xấu - cần lưu ý nhiều trong cả năm !. Thái Bạch với Năm Tuổi (*tuổi đã cao*) Hung nhiều hơn Kiệt !. Phần Hung chủ về ưu sầu tai ương, rầy rà Quan Sự, hao tài tốn của, thị phi khẩu thiệt, rủi ro và tật bệnh dễ đến bất thần, nhất là trong tháng 5 âm lịch, đó là tháng Kị của Thái Bạch và 2 tháng Kị hàng năm của Tuổi (10, 12). Độ xấu của Thái Bạch tác động vào chính Mệnh hay vào các Cung khác trong Lá Số Tử Vi, còn tùy thuộc vào Giờ Sinh !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm, Hạn có thể lân sang năm tới !.

Ngày xưa để giải Hạn Thái Bạch + Năm Tuổi, Cổ Nhân thường dùng lối Cúng Sao vào Đêm Rằm tháng 5, lúc 19-21g với 9 ngọn Nến, hoa quả, trà nước, bần thờ quay về Hướng Tây !.

Tiểu Vận : Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ hợp Kim Mệnh và Chi, nhưng khác Can), Lưu Thái Tuế tại Cung Dậu (Kim hợp Mệnh và Can Chi) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phù Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cái), Mã Khốc Khách, Hi Thần, Tấu Thơ, Đường Phù, Khôi Việt, Thiên Phúc, Văn Tinh cũng đem lại – lúc đầu - hanh thông và thuận lợi cho mưu sự và công việc (*nếu còn hoạt động*) thuộc các Lĩnh Vực : Văn Hoá Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Kinh Doanh, Kỹ Nghệ, Địa Ốc, Xe Cộ (Đường Phù), Siêu Thị, Nhà Hàng và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quần Chúng. Tuy gặp được nhiều Sao tốt, nhưng gặp Năm Tuổi Hỏa khắc Mệnh và Can Chi + Hạn Thái Bạch hợp Mệnh, lại xen kẽ thêm bầy Sao xấu : Kinh Đà, Quan Phủ, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Song Hao, Tuần, Triệt và Kinh Đà Tang lưu (*phiên muộn đau buồn*) cùng hiện diện nơi Tiểu Vận cũng nên nhiều *cảnh giác* về rủi ro và tật bệnh có thể xảy ra trong các tháng Kị (1, 5, 9, 10, 12) về các mặt :

- *Công việc, Giao tiếp* : Năm Tuổi + Hạn Thái Bạch với Tướng Ấn + Phục Bình, Khôi Việt + Kinh Đà, Tang, Lộc + Triệt cũng nên lưu ý chức vụ (*nếu còn hoạt động*) và tiền bạc. Cẩn thận khi Đầu Tư và mở rộng Hoạt Động !. Nên mềm mỏng trong giao tiếp, tránh tranh cãi và phản ứng mạnh (Phá Hư), dù có nhiều bất đồng, ganh ghét và đố kị do Tiêu Nhân.

- *Sức khỏe* : Hạn Thái Bạch với Bệnh Phù + Thiếu Dương gặp Tuần, Thiếu Âm gặp Triệt, cũng nên lưu ý về Tim Mạch, Mắt kể cả Tai, Thận với những ai đã có mầm bệnh - nên thường xuyên đi kiểm tra, nếu có dấu hiệu bất ổn !.

- *Di Chuyển* : Không nên Di Chuyển xa (Mã + Đà Tang), nên lưu ý xe cộ, vật nhọn, dễ té ngã ở các tháng (5, 9, 10, 12).

- *Tình Cảm, Gia Đạo* :Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp, nhưng dễ có Con Giông bất chợt (Hi + Triệt, Đào Hồng + Phục Bình)- dễ có bất hòa và phiên muộn (Tang Môn, Kinh Đà, Cô Quả + Kinh Đà Tang lưu).

Nhất là đối với các Quý Ông sinh vào tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi

hay Dậu lại cần phải nhiều *cảnh giác* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* nơi Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ !. Tài Lộc vượng vào giữa Đông. Nên làm nhiều việc Thiện (Lộc + Triệt) – đó không những là 1 cách giải hạn Năm Tuổi + Thái Bạch của Cổ Nhân (*của đi thay người !*), mà còn là cách Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này !. Nên theo lời khuyên của **Quẻ Thủy Trạch TIẾT** biết tri túc (Lộc + Triệt) ; tiết chế tham vọng để hưởng An Nhân ở những tháng ngày còn lại ít ỏi của Quý Thời Gian thì tốt hơn !.

Phong Thủy : Quẻ *Tốn* giống như Kỷ Dậu 1969 Nam 49 tuổi.

Nữ Mạng : Năm Tuổi 85 + Hạn Thái Âm thuộc Thủy sinh xuất với Kim Mệnh và Chi Dậu (Kim), sinh nhập với Can Quý (Thủy) : độ tốt tăng cao ở đầu năm. Thái Âm là Hạn lành, chủ về Danh Lợi : Công Danh thăng tiến, Tài Lộc dồi dào, Gia Đạo vui vẻ bình an, nhiều Hi Tín !. Tuy nhiên bất lợi cho những ai đã có vấn đề về Tim Mạch, Mắt và Khí Huyết : dễ đau đầu, khó ngủ, tinh thần giao động. Không nên thức khuya và sử dụng Mãn Hình trong nhiều Giờ. Mỗi khi thấy lòng bất an, nên tìm cách Du Ngoan ngăn ngày, hay tìm nơi thoáng mát để Di Dưỡng Tinh Thần !. Hạn tính từ tháng sinh năm nay (2017) đến tháng sinh năm sau (2018). Sinh vào cuối năm, Hạn có thể lên sang năm tới !.

Tuần : Tiểu Vận đóng tại Cung Mùi (Thổ hợp Mệnh và Chi, nhưng khắc Can) và Lưu Thái Tuế đóng tại Cung Dậu (Kim hợp Mệnh và Can Chi) có các Bộ Sao tốt : Thái Tuế, Quan Phù, Tứ Linh (Long Phượng Hồ Cáo), Mã Khốc Khách, Khôi Việt, Hỉ Thần, Tâu Thơ, Thiên Phúc, Văn Tinh, Đường Phù + Hạn Thái Âm tốt cũng dễ đem lại hanh thông cho mưu sự ; thăng tiến và dồi dào về tài lộc cho các Nghiệp Vụ (*nếu còn hoạt động*) thuộc các Lãnh Vực : Văn Học Nghệ Thuật, Truyền Thông, Thẩm Mỹ, Kỹ Nghệ, Kinh Doanh, Địa Ốc, Xe Cộ (Đường Phù), Nhà Hàng, Siêu Thị (Thiên Trù) và các ngành nghề tiếp cận nhiều với Quần Chúng. Tuy gặp được nhiều Sao tốt, nhưng gặp năm Hạn Hỏa khắc Mệnh + Can Chi, lại xen kẽ thêm bầy Sao xấu : Kinh Đà, Quan Phủ, Tang Môn, Phá Toái, Phá Hư, Cô Quả, Song Hao + Kinh Đà Tang lưu (*phiền muộn, đau buồn*) cùng hiện diện nơi Tiểu Vận với tuổi đã cao, cũng nên *thận trọng*, để có rủi ro và tật bệnh có thể xảy ra trong các tháng Kị (2, 5, 9, 10, 12) về các mặt :

- *Công việc, Giao tiếp* : Hạn Thái Âm tuy tốt, nhưng gặp Năm Tuổi với Khôi Việt, Tướng Ân + Kinh Đà, Quan Phủ, Phục Bình, Lộc + Triệt cũng nên lưu ý đến công việc và tiền bạc - *nếu còn hoạt động* - Nên hoà nhã trong giao tiếp, tránh tranh luận và phản ứng mạnh (Phá Hư), dù có nhiều bất đồng và không vừa ý do ganh ghét đố kỵ của Tiểu Nhân !.

- *Sức khỏe* : Hạn Thái Âm với Bệnh Phù, Thiếu Dương + Tuần, Thiếu Âm + Triệt cũng nên lưu tâm nhiều đến Tim Mạch, Mắt và Khí Huyết với những ai đã có mầm bệnh – nên đi kiểm tra thường xuyên, nếu có dấu hiệu bất thường !.

- *Tình Cảm, Gia Đạo* : Bầu Trời Tình Cảm tuy nắng đẹp, nhưng dễ có Con Giông bất ngờ (Hỉ + Triệt, Đào Hồng ngộ Phục Bình) dễ có phiền muộn trong Gia Đạo (Cô Quả + Kinh Đà Tang + Kinh Đà Tang lưu).

- *Di chuyển* : Cẩn thận khi Di Chuyển xa (Mã + Đà Tang), nên lưu ý xe cộ, vật nhọn - để té ngã trong các tháng Kị (9, 10, 12).

Nhất là đối với các Quý Bà sinh vào tháng (1, 11) với giờ sinh (Dần, Thìn, Thân, Tuất) và nếu trong Lá Số Tử Vi có 1 trong những Cung (Mệnh, THÂN, Quan, Tài) đóng tại Mùi hay Dậu, lại càng phải *cẩn thận* hơn, vì Thiên Hình, Không Kiếp cùng hội tụ *thêm* nơi Tiểu Vận dễ đem đến rủi ro, thương tích, hao tán, rắc rối pháp lý và tật bệnh bất ngờ !. Tài Lộc vượng vào giữa Đông. Nên làm nhiều việc Thiện (Lộc+Triệt, Song Hao) – đó không những là 1 cách giải hạn (rủi ro và tật bệnh) của Cổ Nhân, mà còn là cách Đầu Tư về Phúc Đức cho Con Cháu sau này !. Nên theo lời khuyên của **Quẻ Thủy Trạch TIẾT** như Nam mạng.

Phong Thủy : Quẻ *Khôn* giống như Kỷ Dậu 1969 Nữ 49 tuổi.

Quý Dậu hợp với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Đinh Sửu, Ất Sửu, Tân Sửu, Đinh Tỵ, Tân Tỵ, Quý Tỵ, Ất Dậu, Kỷ Dậu, hành Thổ, hành Kim và hành Thủy. Kị với (tuổi, giờ, ngày, tháng, năm) Đinh Mão, Tân Mão và các tuổi mạng Hỏa, mạng Mộc mang hàng Can Mậu, Kỷ.

Màu Sắc (quần áo, giày dép, xe cộ) : **Hợp** với các màu Vàng, Nâu, Trắng, Ngà. **Kị** với các màu Hồng, Đỏ, nếu dùng Hồng, Đỏ nên xen kẽ Vàng, Nâu hay Xám, Đen để giảm bớt sự khắc kị.

Paris Mùa Đông năm Bính Thân 2016
Phạm Kế Viêm